

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH HƯNG YÊN

LỚP 7

Ban Chỉ đạo biên soạn:

Trưởng ban: NGUYỄN DUY HƯNG

Ban Biên soạn:

Tổng Chủ biên: NGUYỄN VĂN PHÊ

Đồng Chủ biên: ĐỖ VĂN KHẢI – NGUYỄN THỊ LIÊN

Thành viên Ban biên soạn:

NGUYỄN THỊ THU THỦY

NGUYỄN THỊ TRANG THANH

PHẠM MINH HOÀNG

NGUYỄN MẠNH ĐẠT

VŨ THỊ PHƯƠNG

ĐOÀN THỊ TUYẾT

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

ĐÀM QUANG SƠN

PHẠM VĂN THÀNH

TRẦN THỊ NGUYỆT HẠNH

Trân trọng cảm ơn các địa phương, các cơ quan, đơn vị và cá nhân đã phối hợp giúp đỡ nhóm tác giả trong quá trình biên soạn và hoàn thiện tài liệu.



Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên – Lớp 7* được biên soạn nhằm giúp các em lĩnh hội những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hoá truyền thống của Hưng Yên; về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; các vấn đề về chính trị – xã hội và môi trường của Hưng Yên qua 7 chủ đề:

Chủ đề 1. Tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên

Chủ đề 2. Khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên

Chủ đề 3. Thiên tai và phòng chống thiên tai ở Hưng Yên

Chủ đề 4. Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ

Chủ đề 5. Đô thị Phố Hiến thời Hậu Lê

Chủ đề 6. Tục ngữ, ca dao Hưng Yên

Chủ đề 7. Nét đẹp văn hoá của Hưng Yên

Mong các em vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học, thực hiện những việc làm thiết thực, hữu ích với bản thân, gia đình, góp phần vào sự phát triển bền vững của quê hương Hưng Yên.

Chúc các em có những tiết học bổ ích và lí thú!

Các tác giả



Mục lục

Chủ đề 1.	Tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên	6
Chủ đề 2.	Khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên	14
Chủ đề 3.	Thiên tai và phòng chống thiên tai ở Hưng Yên	23
Chủ đề 4.	Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ	29
Chủ đề 5.	Đô thị Phố Hiến thời Hậu Lê	41
Chủ đề 6.	Tục ngữ, ca dao Hưng Yên	48
Chủ đề 7.	Nét đẹp văn hoá của Hưng Yên	55

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên – Lớp 7 được biên soạn gồm bảy chủ đề thuộc các lĩnh vực lịch sử, văn hoá, truyền thống; địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị, xã hội, môi trường.



Mỗi phần, mỗi bài học cụ thể của chủ đề thường bắt đầu bằng các nhiệm vụ, tình huống cần giải quyết để các em kết nối với tri thức đã biết và tiếp tục tìm kiếm, thu thập thông tin cần thiết trước, trong và sau khi tìm hiểu mỗi bài học và cả chủ đề.



Phần hình thành kiến thức được thể hiện sinh động qua kênh chữ, kênh hình và một số hình ảnh minh hoạ. Những câu hỏi, hoạt động, hướng dẫn giúp các em tự tin khám phá kiến thức.



Phần thực hành, luyện tập là những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn kĩ năng nhận diện, nhận xét, đánh giá, bước đầu giải quyết một số vấn đề có liên quan.



Phần vận dụng, mở rộng, tìm tòi, sáng tạo là những gợi ý, yêu cầu, định hướng để các em kết nối tri thức của địa phương Hải Dương với tri thức chung của dân tộc và thế giới; kết nối kiến thức nội môn, liên môn một cách chủ động, sáng tạo nhằm hình thành các phẩm chất chủ yếu, phát triển các năng lực cốt lõi, sở trường, năng khiếu của mỗi cá nhân một cách hiệu quả nhất.



Phần em có biết là những thông tin bổ trợ để giải thích, mở rộng, làm rõ nội dung tuyến chính.



Câu hỏi: Nhiệm vụ học tập

Chúc các em tự giác, tự chủ, tự tin và sáng tạo trong học tập để đạt kết quả tốt nhất.

Ban Biên soạn

Hãy bảo quản, giữ gìn tài liệu để có thể dành tặng cho các em học sinh lớp sau nhé!

Chủ đề 1

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở HUNG YÊN

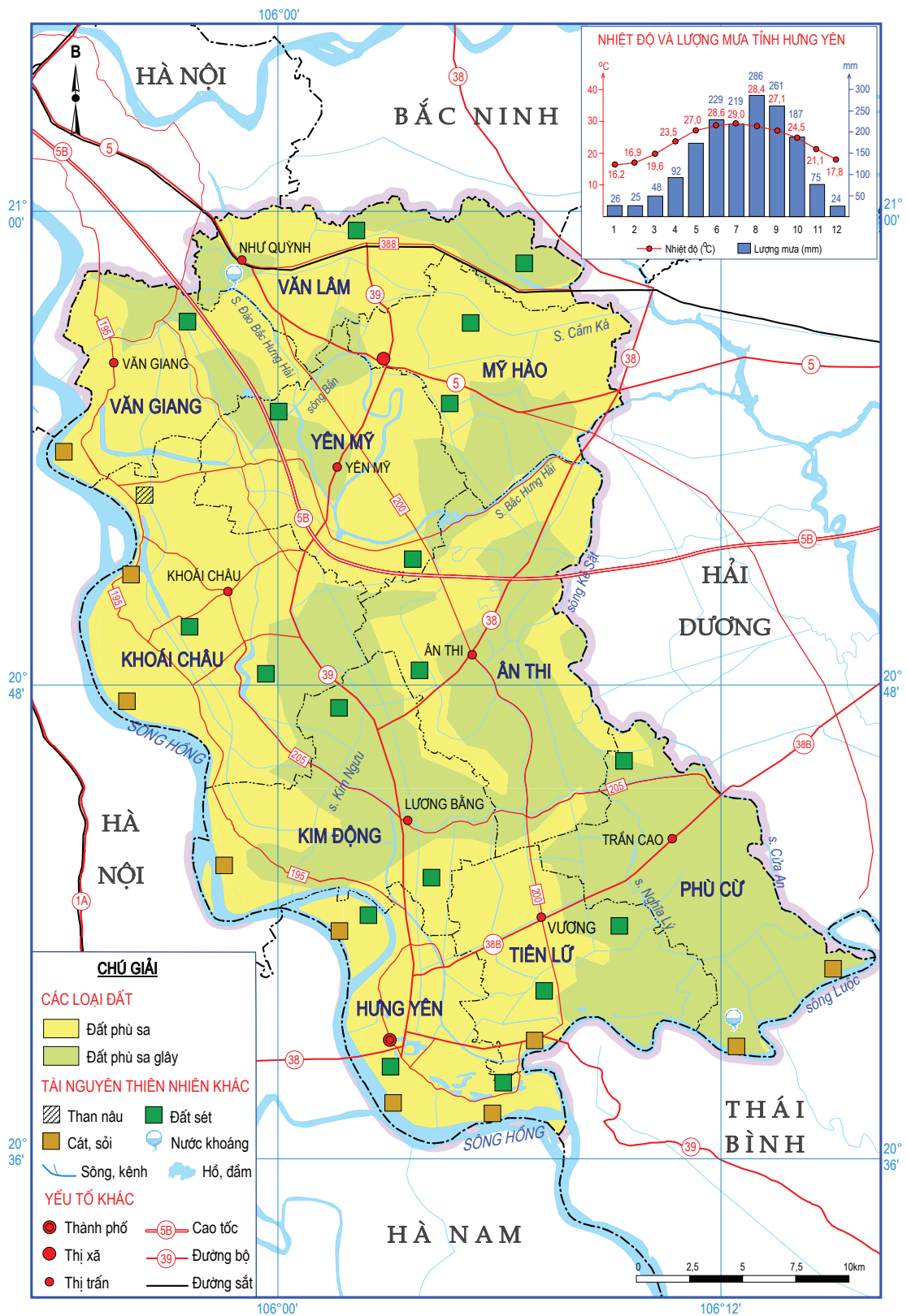
Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được đặc điểm của một số tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên.
- Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế địa phương.
- Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.



Hình 1. Vòng xoay trung tâm thành phố Hưng Yên



TỈ LỆ 1 : 250 000

Hình 2. Bản đồ tự nhiên tỉnh Hưng Yên



Hưng Yên là tỉnh nằm ở vùng Đồng bằng sông Hồng, các điều kiện tự nhiên đã được con người khai thác từ lâu đời. Vậy tài nguyên thiên nhiên mang lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên?



I. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở HƯNG YÊN

1 Tài nguyên đất

Diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh là 93 019,7 ha, trong đó đất dùng cho sản xuất nông nghiệp là 51 278 ha, chiếm 55,1% và đất nuôi trồng thủy sản chiếm 5,3% tổng diện tích đất tự nhiên¹. Các loại đất chính bao gồm đất phù sa trong đê và đất phù sa ngoài đê.

Đất phù sa ngoài đê: chiếm diện tích nhỏ, phân bố chủ yếu ở các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ và một số ít ở thành phố Hưng Yên. Đất được hình thành do lắng đọng phù sa của sông Hồng và sông Luộc, hiện nay vẫn được bồi đắp phù sa thường xuyên. Đất có màu nâu sẫm, không chua, tơi xốp, độ phì cao, tầng đất dày, thoát nước tốt.

Đất phù sa trong đê gồm hai loại:

Đất phù sa không được bồi nằm trong đê sông Hồng và sông Luộc: chiếm diện tích lớn nhất, phân bố ở các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ và thành phố Hưng Yên. Đất phù sa không được bồi đắp có nguồn gốc hình thành như đất phù sa được bồi hằng năm nhưng do phân bố ở trong đê hoặc ở địa hình cao, nên rất ít được bồi đắp phù sa. Đất có màu nâu tươi, ít chua, có độ phì khá, nhưng đất thiếu khí, khả năng phân giải hữu cơ chậm, nhanh bị sét hoá.

Đất phù sa không được bồi nằm trong đê của hệ thống sông Thái Bình: phân bố ở các huyện Văn Lâm, Ân Thi, Phù Cừ và thị xã Mỹ Hào. Đất có màu nâu nhạt, xám vàng, chua,...

¹ Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2020.



Hình 3. Đất phù sa trong đê

2 Tài nguyên khí hậu

Hưng Yên có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; đầu mùa đông lạnh, khô, nửa cuối mùa đông thì ẩm ướt do mưa phùn. Số giờ nắng trung bình là 1 650 giờ/năm, tổng nhiệt độ trung bình năm từ 8 500 – 8 600°C.

Lượng mưa trung bình từ 1 450 – 1 650 mm, phân bố không đều trong năm. Mùa mưa (từ tháng 4 đến tháng 10) tập trung tới 90% lượng mưa cả năm.

3 Tài nguyên nước

Hưng Yên có tài nguyên nước dồi dào, bao gồm cả nước mặt và nước dưới đất.

Nguồn nước mặt chủ yếu từ các con sông chảy trên địa bàn tỉnh. Sông Hồng là sông lớn nhất ở miền Bắc, đoạn chảy qua Hưng Yên có chiều dài 57 km, làm thành ranh giới tự nhiên về phía tây của tỉnh với thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam. Sông Luộc là chi lưu của sông Hồng, toàn bộ sông dài 70 km, đoạn chảy qua địa phận Hưng Yên dài 26 km, tạo thành địa giới phía nam của tỉnh với tỉnh Thái Bình. Sông Kẻ Sặt chảy ở phía đông của tỉnh, đoạn chảy qua Hưng Yên có chiều dài 20 km.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có các sông nhỏ thuộc hệ thống sông Bắc Hưng Hải như các sông Cừ An (Cừ Yên), Hoan Ái, Nghĩa Trụ, Điện Biên,...

Hưng Yên còn có nguồn nước ngầm phong phú nhất là khu vực dọc Quốc lộ 5A từ thị trấn Như Quỳnh (huyện Văn Lâm) đến Quán Gỏi (tỉnh Hải Dương).

Nguồn nước ở Hưng Yên dồi dào không chỉ đáp ứng tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân trong tỉnh mà còn có thể cung cấp lượng nước lớn cho các khu vực lân cận.



Hình 4. Nguồn nước nóng tại một hộ gia đình (thôn Trà Dương, xã Tống Trân, huyện Phù Cừ)

4 Tài nguyên khoáng sản

Hưng Yên là tỉnh có ít tài nguyên khoáng sản. Khoáng sản chủ yếu là cát, đất sét, than nâu, nước khoáng thiên nhiên và nước nóng.

Cát phân bố chủ yếu ở ven sông Hồng, sông Luộc, trữ lượng khoảng 83,5 triệu m³, đủ đáp ứng nhu cầu xây dựng của tỉnh.

Đất sét sản xuất gạch ngói có trữ lượng khoảng trên 138 triệu m³, phân bố ở nhiều huyện trong tỉnh. Than nâu thuộc bể than đồng bằng sông Hồng có trữ lượng lớn, khoảng trên 30 tỉ tấn.

Ngoài ra, Hưng Yên còn có mỏ nước khoáng thiên nhiên ở thị trấn Như Quỳnh (huyện Văn Lâm), nguồn nước nóng ở xã Tống Trân (huyện Phù Cừ).



Dựa vào bản đồ hình 2 (trang 6), thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

- Xác định trên bản đồ một số loại đất, sông và khoáng sản ở Hưng Yên.
- Nêu đặc điểm chính của tài nguyên đất, khí hậu, nước và khoáng sản ở Hưng Yên.

II. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1 Thuận lợi

Đất ở Hưng Yên chủ yếu là đất phù sa, là điều kiện thuận lợi cho tỉnh phát triển nông nghiệp, đặc biệt là các cây hằng năm và cây ăn quả. Đất phù sa trong đê thuận lợi cho trồng cây lương thực (lúa, ngô, lạc, đậu,...), trồng rau màu và cây ăn quả như nhãn, chuối, cam,... Đất phù sa ngoài đê được bồi đắp thường xuyên, nên đất màu mỡ, thuận lợi để trồng các cây hằng năm (ngô, đậu, lạc,...) và rau màu.

Địa hình, đất đai tương đối bằng phẳng, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thiện kết cấu hạ tầng, xây dựng các khu công nghiệp, khu dân cư,... để phát triển kinh tế – xã hội.

Khí hậu nóng ẩm, lượng bức xạ dồi dào là điều kiện để Hưng Yên phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng, khả năng xen canh, tăng vụ. Với ba tháng mùa đông lạnh, Hưng Yên còn trồng được các cây rau màu có nguồn gốc ôn đới như su hào, bắp cải, súp lơ,...

Mặt khác, lượng bức xạ lớn tạo điều kiện khai thác năng lượng mặt trời.

Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh dồi dào, là nguồn cung cấp nước tưới cho ngành trồng trọt và sử dụng trong chăn nuôi. Ngoài ra, sông còn là nguồn cung cấp phù sa hằng năm cho các vùng đất ngoài sông.

Mạng lưới sông dày, chảy trên địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi để phát triển giao thông vận tải đường sông, chuyên chở hàng hoá trao đổi với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng.

Nguồn nước ngầm phong phú, tạo điều kiện khai thác nước cho đời sống của người dân và các nhu cầu kinh tế khác.



Hình 5. Giao thông vận tải trên sông Luộc

2 Khó khăn

Nguồn nước sông Hồng chứa nhiều bùn cát, một số nơi nước mặt có dấu hiệu bị ô nhiễm, khó khăn cho sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất. Mặt khác, nguồn nước mặt phân bố không đều trong năm, tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác.

Khí hậu diễn biến thất thường; lượng mưa lớn, tập trung vào mùa hạ, có thể gây ngập úng, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống người dân Hưng Yên.

Tài nguyên khoáng sản ít, khó khăn cho phát triển công nghiệp. Khối lượng đất sét lớn, nhưng giá trị kinh tế thấp, phân bố chủ yếu trên đất trồng lúa nên không khai thác được nhiều. Một số khoáng sản khác như than nâu, nước nóng chưa được khai thác, sử dụng hợp lí.



Dựa vào thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

1. Trình bày những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế ở Hưng Yên.
2. Đề xuất một số giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.



- 1 Sơ đồ hoá những thuận lợi, khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế ở Hưng Yên.





Chọn một trong hai nhiệm vụ sau và thực hiện:

- 1 Tìm hiểu đặc điểm và những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế ở địa phương em.
- 2 Sưu tầm hình ảnh về những giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên mà địa phương em đã và đang thực hiện.

Chủ đề 2

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở HƯNG YÊN

Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Kể tên và mô tả được một số ngành nghề sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.
- Trình bày được một số phương thức con người khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.
- Đề xuất được một số biện pháp khai thác, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.



Hình 1. Cánh đồng lúa (huyện Khoái Châu)



Một trong những ngành sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên là ngành nông nghiệp. Với lợi thế về đất phù sa, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nguồn nước dồi dào, sản xuất nông nghiệp ở Hưng Yên rất phát triển. Vậy người dân Hưng Yên đã khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu nhé!



I. KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở HƯNG YÊN

1 Khai thác tài nguyên đất

Với diện tích đất phù sa màu mỡ, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, sản xuất nông nghiệp ở Hưng Yên phát triển với nhiều loại cây trồng, vật nuôi có giá trị.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất ở Hưng Yên năm 2020

	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng số	93 019,7	100,0
I. Đất nông nghiệp	58 876,9	63,3
1. Đất sản xuất nông nghiệp	51 278,2	55,1
– Đất trồng cây hằng năm	35 090,8	37,7
+ Đất trồng lúa	31 523,6	33,9
+ Đất trồng cây hằng năm khác	3 567,2	3,8
– Đất trồng cây lâu năm	16 187,5	17,4
2. Đất nuôi trồng thủy sản	4 911,2	5,3
3. Đất nông nghiệp khác	2 687,5	2,9
II. Đất phi nông nghiệp	34 012,4	36,6
III. Đất chưa sử dụng	130,4	0,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2020)

Ngành trồng trọt ở Hưng Yên với các cây trồng chính là lúa và cây ăn quả. Diện tích đất trồng lúa của Hưng Yên chiếm 33,9% tổng diện tích đất tự nhiên và 61,5% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Người dân đã chú trọng đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới giống cây trồng và kĩ thuật canh tác, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh (lúa, nhãn lồng, quýt cảnh,...).



Hình 2. Trồng nghệ vàng (xã Chí Tân, huyện Khoái Châu)



Hình 3. Trồng cam (huyện Kim Động)



Hình 4. Trồng nhãn lồng (thành phố Hưng Yên)



Hình 5. Trồng chuối tiêu hồng (huyện Khoái Châu)

Với tiềm năng đất bãi bồi màu mỡ, tỉnh Hưng Yên đã đẩy mạnh phát triển các loại cây ăn quả. Diện tích trồng cây ăn quả chiếm 17,4% diện tích đất tự nhiên với các cây trồng chủ yếu là nhãn, cam, quýt, bưởi, chuối.

Năm 2018, toàn tỉnh đã chuyển đổi được hơn 9 000 ha đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cho hiệu quả kinh tế cao gấp 3 – 5 lần so với cây lúa. Các mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng cam đường Canh, cam Vinh ở xã Đồng Thanh (huyện Kim Động), vải lai chín sớm ở các xã Tam Đa, Minh Tiến, Tiên Tiến (huyện Phù Cừ);

chuyển đổi đất bãi chuyên canh cây ngô sang trồng chuối tây, chuối tiêu hồng, nghệ vàng ở các xã Tứ Dân, Đại Tập, Chí Tân (huyện Khoái Châu) và xã Ngọc Thanh (huyện Kim Động)...



Dựa vào bảng 1 (trang 15) và thông tin, em hãy:

- Nhận xét về hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp ở Hưng Yên.
- Trình bày một số phương thức khai thác tài nguyên đất ở Hưng Yên.

2 Khai thác tài nguyên nước

Nguồn nước mặt dồi dào đã được Hưng Yên khai thác phục vụ cho sản xuất và đời sống. Nhằm sử dụng nguồn nước hợp lí, hệ thống thuỷ lợi Bắc Hưng Hải đã được xây dựng với các kênh, đập, trạm bơm,... đảm nhận chức năng tưới và tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp ở Hưng Yên.



Hệ thống thuỷ lợi Bắc Hưng Hải (hay còn gọi là sông Bắc Hưng Hải) là một hệ thống kênh, đập, trạm bơm, đê điều nhằm phục vụ việc tưới tiêu và thoát úng cho các tỉnh, thành phố gồm Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương. Hệ thống này được bắt đầu xây dựng từ cuối năm 1958, là công trình thuỷ lợi lớn nhất miền Bắc một thời, từng được gọi là Đại thuỷ nông Bắc Hưng Hải.



Hình 6. Trạm tưới tiêu (thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu)

Tiềm năng vận tải đường thủy được phân bố ở khắp các địa phương trong tỉnh với gần 100 km tuyến sông liên tỉnh (do Trung ương quản lý) gồm sông Hồng và sông Luộc, 113 km đường sông nội tỉnh gồm các tuyến sông: Sặt, Cửu Yên, Điện Biên, Tam Đô và sông Chanh. Vận tải đường thủy chủ yếu là chuyên chở hàng hoá. Toàn tỉnh có khoảng 60 bến bốc xếp hàng hoá. Sông Luộc hiện có hoạt động vận tải nhộn nhịp nhất, với lưu lượng trung bình 250 – 300 lượt phương tiện/ngày đêm, chủ yếu tàu có tải trọng 300 – 400 tấn. Trên sông Hồng trung bình có khoảng 150 – 200 lượt phương tiện/ngày đêm lưu thông.

Bên cạnh đó, với lợi thế về ao, hồ, mặt nước sông,... nghề nuôi trồng thủy sản ở Hưng Yên được đầu tư phát triển. Hiện nay, diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh khoảng gần 5 nghìn ha với nhiều mô hình nuôi cá cho hiệu quả kinh tế cao.



Hình 7. Nuôi trồng thủy sản (huyện Phù Cừ)



Dựa vào thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

- Kể tên các ngành sử dụng tài nguyên nước ở Hưng Yên.
- Mô tả hoạt động giao thông vận tải đường thủy ở Hưng Yên.
- Trình bày một số phương thức khai thác tài nguyên nước ở Hưng Yên.

3 Khai thác tài nguyên khoáng sản

Các tài nguyên khoáng sản chủ yếu được khai thác ở Hưng Yên là cát và đất sét.

Toàn tỉnh Hưng Yên có 13 mỏ cát bãi bồi và 11 mỏ cát lòng sông trên sông Hồng, sông Luộc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khai thác. Trữ lượng cát đã được cấp giấy phép khai thác khoảng 14,5 triệu m³, chiếm gần 20% tổng trữ lượng cát có khả năng khai thác của tỉnh. Trong đó, tỉnh đã khai thác, sử dụng khoảng 12 triệu m³ cát. Các mỏ cát khai thác tập trung nhiều ở các huyện Kim Động, Khoái Châu, Văn Giang,... và thành phố Hưng Yên.

Đất sét để sản xuất gạch ngói được cấp phép và đang khai thác tại các mỏ ở xã Đức Hợp, Ngọc Thanh (huyện Kim Động), xã Lương Tài (huyện Văn Lâm), xã Đông Kết (huyện Khoái Châu) và xã Cẩm Xá (thị xã Mỹ Hào). Tuy nhiên, phần lớn diện tích đất sét nằm ở khu vực trồng lúa, nên diện tích đất sét được cấp giấy phép khai thác chỉ chiếm chưa đầy 1% tổng diện tích đất sét của toàn tỉnh.

Các tài nguyên khoáng sản khác như than nâu, nước nóng đang thăm dò, đánh giá trữ lượng chưa được khai thác.



Dựa vào thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

1. Kể tên các ngành sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Hưng Yên.
2. Mô tả hoạt động khai thác khoáng sản ở Hưng Yên.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở HƯNG YÊN

1 Suy thoái tài nguyên thiên nhiên

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên đang bị suy thoái và ô nhiễm, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và đời sống người dân.

Nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đang bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh. Nơi nước sông tiếp nhận nước thải của các làng nghề có mức độ ô nhiễm nhiều nhất. Nguyên nhân gây ô nhiễm và suy thoái nguồn nước là do nước thải, chất thải trong sản xuất và sinh hoạt chưa được xử lý thải ra, ảnh hưởng đến chất lượng nước tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản.

Hoạt động khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn diễn ra ở một vài nơi trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với đất làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói, san lấp, cát làm vật liệu xây dựng. Việc khai thác cát trái phép và tác động của tự nhiên đã làm cho đất canh tác ở hai bên bờ sông bị sạt lở, tài nguyên khoáng sản cạn kiệt nhanh chóng,...

Nhiều diện tích đất trồng bị suy thoái và ô nhiễm do canh tác chưa hợp lí, lạm dụng phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật; hoặc do nước thải, chất thải trong sản xuất,... Đặc biệt, khu vực đất bị ô nhiễm do tồn lưu chì tại làng nghề tái chế chì ở thôn Đông Mai, xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm vẫn là vấn đề nhức nhối nhiều năm nay của tỉnh Hưng Yên. Một số diện tích đất bãi bồi, đất ven sông bị thu hẹp do sạt lở.



Hình 8. Nước ở sông Bắc Hưng Hải bị ô nhiễm

2 Một số giải pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Đầu tư các hệ thống xử lí nước thải tại nguồn, khai thác nguồn nước một cách hợp lí.

Quản lí, giám sát chặt chẽ việc khai thác cát trên sông, xử lí nghiêm các vụ khai thác cát trái phép.

Sử dụng hợp lí phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, tránh gây suy thoái tài nguyên đất và ô nhiễm nguồn nước.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường, hướng dẫn, vận động người dân phân loại, xử lí rác thải tại hộ gia đình.



Hình 9. Sinh viên trường Đại học Tài chính – Quản trị Kinh doanh phân loại rác



Dựa vào thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

1. Trình bày một số biểu hiện của suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên.
2. Nêu hậu quả của suy thoái tài nguyên thiên nhiên.
3. Đề xuất một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên.



- Trình bày một số phương thức khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên.
- Dựa vào Bảng 1 (trang 15), em hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 của Hưng Yên và nhận xét.



Chọn một trong hai nhiệm vụ sau và thực hiện:

- 1 Tìm hiểu phương thức khai thác tài nguyên đất hoặc nước ở địa phương em.
- 2 Dựa trên các giải pháp đã đề xuất, em hãy lập kế hoạch tuyên truyền sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.

THỰC HÀNH TÌM HIỂU PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Chuẩn bị

- Mỗi nhóm lựa chọn 1 loại tài nguyên thiên nhiên ở địa phương để tìm hiểu tiềm năng và phương thức khai thác tự nhiên ở địa phương.
- Lập đề cương chi tiết.
- Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

2. Triển khai nghiên cứu

- Thu thập tư liệu.
- Khảo sát thực tế, quan sát.
- Phỏng vấn, điều tra.

3. Báo cáo

- Viết báo cáo kết quả tìm hiểu và đề xuất các giải pháp.
- Trình bày báo cáo (slide).

Chủ đề 3

THIÊN TAI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI Ở HƯNG YÊN

Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Suu tầm thông tin và nêu được một số loại thiên tai ở địa phương.
- Trình bày được một số tác động của thiên tai đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân ở địa phương.
- Nêu được một số biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương.



Hình 1. Giông, lốc tại cánh đồng xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu



Bên cạnh những thuận lợi do tự nhiên mang lại, Hưng Yên cũng chịu nhiều tác động từ thiên nhiên đối với hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Vậy những loại thiên tai chủ yếu ở Hưng Yên là gì và tác động của thiên tai đến đời sống và sản xuất ở Hưng Yên như thế nào?



Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, mưa đá, rét hại,...

Phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.



I. MỘT SỐ THIÊN TAI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG Ở HƯNG YÊN

1 Một số thiên tai thường xảy ra ở Hưng Yên

Bão và áp thấp nhiệt đới: Bão là hiện tượng thời tiết đặc biệt nguy hiểm, chỉ xuất hiện trên các vùng biển nhiệt đới, thường có gió mạnh và mưa lớn. Áp thấp nhiệt đới có sức gió thấp hơn bão.

Hưng Yên không tiếp giáp với biển, nhưng cũng chịu tác động của bão và áp thấp nhiệt đới. Mỗi năm, trung bình Hưng Yên chịu ảnh hưởng khoảng hai cơn bão hoặc áp thấp nhiệt đới, như năm 2018, tỉnh chịu ảnh hưởng của hai cơn bão (số 3 và 4), năm 2019 là ba cơn bão,... Bão tác động đến Hưng Yên chủ yếu từ tháng 6 đến tháng 8 hằng năm, gió lớn kèm theo mưa to gây ngập lụt khá nghiêm trọng. Lượng mưa do bão chiếm tỉ trọng lớn, từ 15 – 20% tổng lượng mưa cả năm.



Hình 2. Chợ chiều ở thị trấn Vương (huyện Tiên Lữ) bị đổ do ảnh hưởng của cơn bão số 1 ngày 28/7/2016

Hạn hán: Hạn hán ở Hưng Yên thường xảy ra trong mùa đông. Thời gian khô hạn nặng chủ yếu vào tháng 12, tháng 2, tháng 3. Hạn hán gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân.

Nắng nóng: Vào mùa hè, tình trạng nắng nóng trở lên gay gắt hơn, gây ra tình trạng khô hạn, gia tăng nguy cơ suy thoái các hệ thống sông. Năm 2019, toàn mùa có sáu đợt nắng nóng, đặc biệt từ ngày 28/6 – 7/7 xuất hiện một đợt nắng nóng gay gắt trong đó có sáu ngày liên nhiệt độ cao trên 39⁰C, cao nhất là 40⁰C. Năm 2020, có chín đợt nắng nóng, cao nhất là 40,5⁰C (ngày 21/5).

Ngập lụt: Hưng Yên là vùng đồng bằng, một số vùng thấp trũng dễ bị ngập lụt. Hằng năm, từ tháng 6 đến tháng 8, Hưng Yên chịu ảnh hưởng của bão, kèm theo mưa to, nên thường gây ngập lụt nội đồng. Ngoài ngập lụt nội đồng, Hưng Yên hằng năm còn phải chịu ảnh hưởng của nước dâng ngoài đê sông Hồng, sông Luộc thay đổi do điều tiết nước ở các hồ thủy điện trên thượng nguồn.



Hình 3. Diện tích lúa bị ngập do bão số 1 ngày 28/7/2016

Xói lở bờ sông: Trong những năm qua hiện tượng xói lở trên các triền sông của tỉnh Hưng Yên xảy ra khá phổ biến, nhất là vào mùa mưa lũ. Xói lở bờ sông làm thu hẹp diện tích đất ven sông, nguy cơ mất an toàn đê điều.

Ngoài ra, ở Hưng Yên còn chịu tác động của một số thiên tai khác như giông lốc, sét, rét đậm, rét hại,... Năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 22 đợt không khí lạnh, 30 vụ sét đánh lớn, nhỏ; năm 2020, có 22 đợt không khí lạnh với bốn đợt rét đậm, rét hại, nhiệt độ thấp nhất là 10,6°C (ngày 16/12).

2 Tác động của thiên tai đến sản xuất và đời sống

Tác động của thiên tai trong những năm qua gây ra thiệt hại lớn đối với ngành nông nghiệp, làm hư hại nhiều công trình, nhà ở của các địa phương, cụ thể như sau:

Năm 2016, thiên tai gây thiệt hại trên phạm vi toàn tỉnh trên 200 ngôi nhà, gần 2 nghìn ha lúa và hoa màu, trên 150 con gia súc bị chết và cuốn trôi,... Tổng thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2016 trên 361 tỉ đồng.

Năm 2017, tổng thiệt hại do đợt mưa lũ tháng 10 gây ra 100 tỉ đồng.

Năm 2018, do ảnh hưởng của cơn bão số 3 và các đợt lốc xoáy, mưa lớn gây thiệt hại nông nghiệp và các công trình thủy lợi, cụ thể: ngập úng trên 226 ha lúa, 107 ha hoa màu, 120 ha cây ăn quả và 9,6 ha nuôi trồng thủy sản; nứt đê ở xã Liên Khê (huyện Khoái Châu), gãy sáu cột điện ở xã Việt Hoà (huyện Khoái Châu) do ảnh hưởng của mưa giông,...

Năm 2019, bão gây mưa vừa và mưa to trên địa bàn tỉnh làm ngập úng lúa, hoa màu và các công trình thủy lợi như: Diện tích hoa màu, rau màu thiệt hại trên 70% tại xã Chính Nghĩa, xã Mai Động, xã Đức Hợp, xã Hùng An (huyện Kim Động); tốc mái tôn một dãy lớp học tại xã Ngọc Long (huyện Yên Mỹ) với diện tích khoảng 200 m²; tại Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp bãi rác Dị Sử (thị xã Mỹ Hào) thiệt hại khoảng 132 triệu đồng,...

Năm 2020, tại huyện Khoái Châu, do ảnh hưởng của giông lốc, mưa đá kèm theo thời tiết rét đậm đã gây thiệt hại 45 ha chuối, 20 ha rau màu, 172 ha cây ăn quả; hơn 7,5 nghìn m² nhà kho, phân xưởng, chuồng trại chăn nuôi bị tốc mái từ 50% – 70%; tổng thiệt hại về kinh tế hơn 26 tỉ đồng.

Ngoài ra, trên các tuyến đê, kè xuất hiện nhiều sự cố như nứt mặt đê tả sông Hồng đoạn qua địa bàn thành phố Hưng Yên; sạt lở kè Phi Liệt (huyện Văn Giang), sạt lở kè Mai Xá (huyện Tiên Lữ),... Trong các đợt nắng nóng, hàng nghìn ha lúa vụ mùa bị thiệt hại từ 30 – 70% năng suất.



Dựa vào thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

1. Trình bày về một số loại thiên tai thường hay xảy ra ở Hưng Yên.
2. Nêu tác động của thiên tai đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân ở Hưng Yên.

II. GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI Ở HƯNG YÊN

Hạn chế, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Trong những năm qua, tỉnh đã triển khai một số giải pháp sau:

– Rà soát, kiện toàn, nâng cao năng lực ban chỉ huy, văn phòng thường trực ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

– Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ điều hành ứng phó thiên tai.

– Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kĩ năng về phòng chống thiên tai bằng nhiều hình thức, với sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng và kĩ năng ứng phó của các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng trong phòng chống thiên tai.

– Tu sửa, nâng cấp một số công trình đê điều, củng cố vững chắc hệ thống công trình chống lũ của tỉnh.



Hình 4. Trạm bơm Mai Xá (huyện Tiên Lữ)



Hình 5. Cắt tỉa cây xanh phòng chống mưa bão (thành phố Hưng Yên)



Dựa vào thông tin và kiến thức đã học, em hãy:

1. Trình bày một số giải pháp tỉnh Hưng Yên đã và đang thực hiện để phòng chống thiên tai.
2. Đề xuất giải pháp phòng, chống thiên tai ở địa phương.



- 1 Kể tên một số loại thiên tai thường xảy ra ở Hưng Yên.
- 2 Nêu một số giải pháp phòng chống thiên tai ở Hưng Yên.



Hãy chọn một trong hai nhiệm vụ và thực hiện:

- 1 Viết một báo cáo ngắn về tác động của thiên tai đến sản xuất và đời sống ở địa phương em.
- 2 Lập kế hoạch về một hoạt động phòng chống thiên tai phù hợp với kiến thức và kỹ năng của bản thân em và các bạn.

Chủ đề 4

HUNG YÊN THỜI LÝ – TRẦN – HỒ

Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được tên gọi của Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ.
- Trình bày được một số sự kiện và nhân vật tiêu biểu ở Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ.
- Nêu được đóng góp của Hưng Yên đối với lịch sử dân tộc thời Lý – Trần – Hồ.
- Kể tên được một số dấu tích thời Lý – Trần – Hồ còn lại trên đất Hưng Yên ngày nay.



Hình 1. Toàn cảnh chùa Hương Lãng
(xã Minh Hải, huyện Văn Lâm)



Thời Lý – Trần – Hồ, Hưng Yên đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng và khẳng định nền độc lập tự chủ của quốc gia Đại Việt. Nhân dân Hưng Yên cùng với vua tôi nhà Trần làm nên chiến thắng vĩ đại trước quân xâm lược Mông – Nguyên và đập tan ý định xâm chiếm của Ai Lao, bảo vệ biên cương lãnh thổ. Bên cạnh đó, trải qua các triều đại Lý – Trần – Hồ, nhân dân Hưng Yên có nhiều đóng góp cho nền văn hoá dân tộc.



Hình 2. Chùa Thái Lạc (xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm)



1 Địa giới hành chính

a) Thời Lý (1010 – 1225)

Năm 1010, nhà Lý đổi 10 đạo thành 24 lộ. Hưng Yên thuộc lộ Khoái Châu gọi là Khoái Lộ. Dưới phủ/ lộ hoặc châu là các huyện hoặc hương. Dưới huyện hoặc hương là giáp. Dưới giáp là thôn.

Hưng Yên thời Lý được đặt là châu Đăng và châu Khoái hoặc có lúc đổi gọi là các lộ: Đăng Lộ và Khoái Lộ. Vùng đất Khoái Châu tương đương với phủ Khoái Châu thời Nguyễn, châu Đăng tương đương với vùng đất thuộc huyện Kim Động thời Nguyễn. Dưới phủ, lộ được chia thành nhiều huyện, song những ghi chép về đơn vị hành chính cấp huyện dưới Đăng Lộ và Khoái Lộ lại không rõ ràng.

Sách *Hưng Yên tỉnh nhất thống chí* có ghi chép về một huyện duy nhất thời Lý là huyện Thiên Thi, tương đương với huyện Ân Thi ngày nay. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi, Hưng Yên thời Lý – Trần có hai huyện là huyện Thiên Thi và huyện Diên Hà, nhưng không chép thuộc lộ nào và chính xác các huyện này ra đời từ thời Lý hay thời Trần.



Hình 3. Nước Đại Việt thời Lý

b) Thời Trần – Hồ (1226 – 1407)

Thời Trần, cả nước chia thành 12 lộ. Cuối thời Trần – Hồ, cả nước có 20 phủ – lộ – trấn.



Hình 4. Nước Đại Việt thời Trần

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, Hưng Yên thời Trần thuộc hai lộ Long Hưng và lộ Khoái, hoặc có khi đổi gọi là phủ. Đơn vị cấp huyện ở Hưng Yên gồm các huyện như sau:

– Lộ Khoái có bốn huyện:

- Huyện Đông Kết (nay là huyện Khoái Châu).

- Châu Đằng có từ thời Lý, thời Trần vẫn gọi là châu Đằng thuộc lộ Khoái Châu (nay là huyện Kim Động).

- Huyện Phù Dung (nay là huyện Phù Cừ).

- Huyện Thiên Thi có từ thời Lý, thời Trần vẫn gọi là Thiên Thi (nay là huyện Ân Thi).

– Lộ Long Hưng có hai huyện (nay thuộc tỉnh Thái Bình):

- Huyện Thần Khê, trước là hương Đa Cương, thời Trần đặt tên là Thần Khê.

- Huyện Ngự Thiên, sau nhà Nguyễn đổi là huyện Hưng Nhân.

Như vậy, Hưng Yên thời Trần – Hồ gồm đất lộ Khoái và một phần lộ Long Hưng.



1. Nêu tên gọi của Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ.

2. Kể tên các đơn vị hành chính của Hưng Yên dưới thời Lý – Trần – Hồ.

2 Kinh tế

a) Nông nghiệp

Hưng Yên là vùng đất phù sa trù phú, thuận lợi cho phát triển cây lúa nước. Lúa là cây trồng chính ở Hưng Yên, mỗi năm trồng hai vụ cho năng suất cao. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép “Năm 1280, tháng 10 được mùa to. Lúa ở ruộng hương Trà Kiều thuộc Khoái Lộ một giò hai bông¹”.



Ở huyện Kim Động còn lưu giữ câu ca về đặc sản của mỗi làng như: “*Thóc làng Tè, tre làng Phận*” (thuộc xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động); “*Mía ngấm heo may, mật bay lên ngọn*” (mía trồng nhiều ở đất ngoài đê); “*Nhất ngon cá bãi sông Hồng/ Rau xanh Phục Lễ, nhân lồng bãi Phương*”,...

Ngoài lúa là cây trồng chính, thời kì này ở Hưng Yên còn trồng nhiều loại cây rau màu và cây ăn quả.

¹ Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.45.

Trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thời Trần, Hưng Yên không chỉ là phòng tuyến bảo vệ kinh thành mà còn là nơi cung cấp lương thực cho quân đội.



Nêu một số nét chính của tình hình kinh tế nông nghiệp ở Hưng Yên thời nhà Trần.

b) Thủ công nghiệp

Thời Lý – Trần – Hồ, Hưng Yên có một số nghề thủ công như đan thuyền, nghề dệt, nghề mộc, nghề nhuộm vải...

Tương truyền, nghề đan thuyền Nội Lễ (xã An Viên, huyện Tiên Lữ) có từ thời kì loạn 12 sứ quân, do cụ tổ nghề Trần Ứng Long truyền dạy. Đến thời Lý – Trần – Hồ, nghề đan thuyền Nội Lễ đã phát triển mạnh mẽ.

Thời kì này, Hưng Yên cũng có nhiều làng nghề trồng và chế biến cây dược liệu và buôn thuốc bắc như làng Nghĩa Trai (xã Tân Quang, huyện Văn Lâm), làng Đa Ngư (xã Tân Tiến, huyện Văn Giang)... Theo truyền thuyết, nghề thuốc Nghĩa Trai có từ thời vua Lý Thần Tông (1128 – 1138), đến thời Trần đã trở thành trung tâm trồng và chế biến cây dược liệu.



Hình 5. Chùa Ông thờ Phật và Đức thánh Từ Đạo Hạnh – Ông tổ nghề trồng và chế biến cây dược liệu ở thôn Nghĩa Trai (xã Tân Quang, huyện Văn Lâm)

Nghề mộc và chạm khắc gỗ trên vùng đất Hưng Yên cũng phát triển. Hầu hết các đình, chùa, miếu thời kì này được dựng bằng gỗ với hệ thống thượng điện được chạm khắc tinh xảo chứng tỏ tay nghề làm mộc của người thợ rất cao.



Hình 6. Điêu khắc gỗ thời Trần tại chùa Thái Lạc
(xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm)

Ở Hưng Yên còn có các làng nghề nhuộm vải như làng Hoa Cầu (nay là làng Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, Văn Giang), làng Phú Thị (xã Mỹ Sở, Văn Giang). Bên cạnh đó, còn có một số nghề thủ công khác như: nghề đúc đồng ở làng Lộng Thượng, làng Tòng Chương (nay thuộc xã Đại Đồng, Văn Lâm), nghề làm cày, bừa ở làng Muồng (làng Vân Dương, xã Hòa Phong, Mỹ Hào), nghề làm mật mía ở bãi giữa (xã Phú Cường, xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên)...



Kể tên một số nghề thủ công ở Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ.

3 Văn hoá

Văn hóa Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ có những bước phát triển nhất định.

Về âm nhạc, ngay từ thời Lý, ở vùng đất Văn Giang đã có cụ Sái Ất, rất giỏi nghề ca hát, được tôn là ông tổ nghề hát chèo. Các bức phù điêu gỗ tại chùa Thái Lạc (xã Lạc Hồng, Văn Lâm), có những bức chạm khắc mô tả người đánh đàn, hát múa,... chứng tỏ sinh hoạt âm nhạc của nhân dân Hưng Yên thời Trần đã rất phong phú.



Hình 7. Chùa Hương Lãng

Về mỹ thuật, thời kì này Hưng Yên đã có những tác phẩm điêu khắc đỉnh cao như hệ thống điêu khắc thềm bậc đá và tượng sư tử đá chùa Hương Lãng, (xã Minh Hải, huyện Văn Lâm), các bức điêu khắc gỗ chùa Thái Lạc (xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm),...

Trong thời kì Lý – Trần – Hồ, tôn giáo, tín ngưỡng của Hưng Yên khá đa dạng. Ngoài các tín ngưỡng thờ tổ tiên, thờ thành hoàng làng, thờ những người có công với dân, với nước... người Hưng Yên còn theo đạo Phật (phát triển khá mạnh vào thời Lý, đầu thời Trần), đạo Giáo. Cùng với các tín ngưỡng, tôn giáo này, hệ thống đình, chùa, đền, miếu, đậu... được xây dựng, các lễ hội cũng được tổ chức.



Hình 8. Đền Trần (phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên)



Hình 9. Đền Mẫu (phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên)

Dưới thời Lý – Trần – Hồ, giáo dục và khoa cử ở Hưng Yên cũng đạt được một số thành tựu đáng kể. Nhiều nhà khoa bảng người Hưng Yên là tác giả của các tác phẩm văn học, sử học nổi tiếng thời kì này.



Nêu những dấu tích văn hoá thời Lý – Trần – Hồ ở Hưng Yên.

4 Hưng Yên trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm

Nhân dân Hưng Yên đã tích cực tham gia vào các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm thời Lý – Trần – Hồ.

Thời Lý, nhân dân Hưng Yên đã có nhiều đóng góp trong cuộc kháng chiến chống quân Tống và Chiêm Thành xâm lược. Theo thần tích, các vị thành hoàng và nhân dân các làng Cửu Cao (xã Cửu Cao, Văn Giang), Tòng Củ (xã Vân Du, Ân Thi), Tử Lý (xã Đông Ninh, Khoái Châu)... tham gia các trận chiến chống quân Tống của nhà Lý. Thành hoàng và nhân dân các làng Bình Dân (xã Tân Dân, Khoái Châu), Đào Quạt (xã Bãi Sậy, Ân Thi) chiến đấu đẩy lui quân Chiêm Thành xâm lược.

Trong các cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên, Hưng Yên nằm trên đường huyết mạch kết nối hành cung Thiên Trường với kinh thành Thăng Long, là cửa ngõ quan trọng để bảo vệ kinh thành Thăng Long. Nhờ có sự ủng hộ và đóng góp của nhân dân Hưng Yên, kế hoạch rút lui thực hiện kế “vườn không nhà trống” của vua tôi nhà Trần được thực hiện thành công, tránh thế giặc mạnh, thực hiện phản công và giành thắng lợi.

Trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ nhất (1258), quân nhà Trần rút về sông Thiên Mạc¹. Tại đây, Linh Từ Quốc mẫu Trần Thị Dung đã tập hợp vũ khí, quân lương gửi ra mặt trận. Ngày 24 tháng Giêng năm 1258, từ sông Xích Đằng (đoạn sông Hồng chảy qua thành phố Hưng Yên hiện nay), vua Trần Thái Tông cùng Thái tử Trần Hoảng (sau này là vua Trần Thánh Tông) đã chỉ huy quân đội đánh trận Đông Bộ Đầu, kết thúc chiến tranh.

Trong cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai (1285), có một số trận đánh đã diễn ra trên đất Khoái Châu, như trận Đà Mạc, trận đồn A Lỗ, trận Tây Kết.



Trận Đà Mạc: Năm 1285, quân Nguyên ồ ạt tấn công kinh thành Thăng Long. Trên đường rút lui về Thiên Trường (Nam Định), quân nhà Trần đã bố trí các trận đánh nhằm cản đường tiến của quân địch. Trận đầu tiên là ở bãi Đà Mạc (tức bãi Mạn Trù bên sông Hồng ở Khoái Châu) diễn ra vào ngày 24/2/1285. Chỉ huy trận

¹ Sông Thiên Mạc là khúc sông Hồng chảy qua Mạn Trù châu, huyện Khoái Châu (Cương mục, Quốc sử quán triều Nguyễn, Chính biên, quyển I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.93–94)

này là tướng Trần Bình Trọng. Ông đã chiến đấu dũng cảm để bảo vệ các vua Trần (vua cha Trần Thánh Tông và vua con Trần Nhân Tông), rồi bị giặc bắt. Sau khi bắt được Trần Bình Trọng, tướng giặc tìm mọi cách dọa nạt, dụ dỗ, tuy nhiên, ông kiên quyết không chịu khuất phục. Khi được hỏi có muốn làm vương đất Bắc không, ông thét to: “Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Không khuất phục được Trần Bình Trọng, giặc bèn giết ông.

Trận A Lỗ: Trong tháng 4 năm 1285, Hưng Đạo Vương đã đem quân tấn công vào đồn An Lỗ – nằm gần chỗ sông Hồng nối với sông Luộc (xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên ngày nay).

Trận Tây Kết: Diễn ra vào ngày 21/6/1285 có sự tham gia của tướng quân Nguyễn Khoái, người đất Hồng Châu. Ông đem quân tinh nhuệ đón đánh giặc ở cửa bến Tây Kết (nay thuộc huyện Khoái Châu). Trong trận này, tướng giặc là Toa Đô thua bỏ chạy, quân ta tổ chức bao vây. Cuối cùng, tướng giặc đã bị chém đầu. Trận Tây Kết có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh tiêu hao sinh lực địch, tạo thế chủ động tiến công của quân dân nhà Trần trên các phòng tuyến dọc sông Hồng, làm bàn đạp đánh thẳng lên Thăng Long, lấy lại Kinh đô. Chiến thắng ở Tây Kết đã tạo điều kiện cho quân dân nhà Trần thực hiện chiến lược tiến công liên tục vào các căn cứ quan trọng, làm giảm khí thế của quân giặc, phá vỡ chỗ dựa của tướng giặc là Thoát Hoan ở Thăng Long, tạo tiền đề quan trọng để quân dân nhà Trần tiến đánh và triệt hạ một loạt các đồn trại của giặc trên sông Hồng như Hàm Tử, Chương Dương, tiến thẳng vào kinh thành Thăng Long.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ ba (1287 – 1288), quân ta đã lập phòng tuyến chặn giặc ở Thiên Mạc, Hàm Tử, Đông Kết, Tây Kết... để bảo vệ vua tôi nhà Trần rút lui an toàn.

Dưới thời Trần, Hưng Yên có nhiều vị tướng tài ba, tiêu biểu là Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Khoái.

Phạm Ngũ Lão quê ở xã Phù Ủng (huyện Ân Thi). Từ nhỏ ông đã tỏ ra lanh lợi, có sức khoẻ, giỏi võ nghệ. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai, ông đã đem quân phối hợp với các cánh quân của Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản làm nên chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương, chém tướng Toa Đô, khiến cho kẻ thù khiếp sợ, gọi ông là “Hổ tướng họ Phạm”. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ ba, Phạm Ngũ Lão được bố trí đánh giặc ở Nội Bàng, chặn đường rút lui của Thoát Hoan. Ông đã dùng kế, chia quân

mai phục, khiến Thoát Hoan phải mở đường máu để trốn về nước. Phạm Ngũ Lão cũng có công lớn trong các lần đi đánh dẹp quân Ai Lao (1297) và quân Chiêm Thành vào các năm 1312, 1318.

Nguyễn Khoái quê ở Hồng Châu (vùng đất thuộc thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên và huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày nay). Trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất, Nguyễn Khoái chỉ huy quân túc vệ, đánh bại giặc ở lộ Khoái, Trường Yên, Kiến Xương... Cuộc kháng chiến lần hai, Nguyễn Khoái tham gia nhiều trận đánh lớn như trận Tây Kết, Hàm Tử... Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba, ở trận Bạch Đằng, tướng quân Nguyễn Khoái được lệnh chặn đánh và tiêu diệt thủy quân giặc trên sông Bạch Đằng. Cùng với tướng quân Phạm Ngũ Lão và các quân sĩ, Nguyễn Khoái đã lập được công lớn, đánh bại quân rút lui của các tướng giặc là Phàn Tiếp và Ô Mã Nhi. Với chiến công này, Nguyễn Khoái được phong tước Liệt hầu. Ông được vua Trần Nhân Tông ban đất vùng lộ Khoái. Vùng đất này sau đó đổi tên thành Khoái Châu.



Hình 10. Toàn cảnh đền Phù Ủng (xã Phù Ủng, huyện Ân Thi) thờ Phạm Ngũ Lão

Vào cuối thời Trần, tình hình nước ta rối ren, vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga đem quân xâm lược. Năm 1390, giặc Chiêm Thành tiến vào tận sông Hoàng Giang (thuộc tỉnh Nam Định và Hà Nam ngày nay), nhà Trần sai đô tướng Trần Khát Chân đi đánh giặc. Trước thế giặc mạnh, Trần Khát Chân lui quân về đóng ở sông Hải Thị (nay thuộc xã Hải Triều, Tiên Lữ), quân giặc cũng tiến đến đây bày binh bố trận. Do có một tên đầy tớ của Chế Bồng Nga chạy sang theo quân ta, nên Trần Khát Chân biết được thuyền có vua giặc đang ở, bèn truyền lấy súng tập trung bắn vào thuyền ấy. Chế Bồng Nga trúng phải đạn chết, giặc bèn bỏ chạy.



- 1 Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế – văn hoá của Hưng Yên dưới thời Lý – Trần – Hồ.
- 2 Nêu đóng góp của nhân dân Hưng Yên trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời Lý – Trần – Hồ.
- 3 Liệt kê một số sự kiện và nhân vật tiêu biểu ở Hưng Yên thời Lý – Trần – Hồ.



- 1 Sưu tầm tranh, ảnh về một số công trình văn hoá, di tích lịch sử thời Lý – Trần – Hồ trên đất Hưng Yên.

Chủ đề 5

ĐÔ THỊ PHỐ HIẾN THỜI HẬU LÊ

Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được những nét cơ bản về đô thị phố Hiến thời Hậu Lê.
- Giải thích được nguyên nhân suy tàn của đô thị phố Hiến thời Hậu Lê.
- Đánh giá được vai trò của phố Hiến trong giao lưu thương mại ở Đàng Ngoài thời Hậu Lê.
- Kể tên được một số dấu tích còn lại của đô thị phố Hiến trên đất Hưng Yên ngày nay.



Hình 1. Nhà thờ thành phố Hưng Yên



Dân gian có câu: “Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến”. Đây là câu nói tiêu biểu, xác định vị thế của địa danh phố Hiến Hưng Yên sầm uất một thời. Ngày nay, bóng dáng về một thương cảng nổi tiếng tấp nập người mua kẻ bán đã không còn, nhưng những giá trị về văn hoá và kiến trúc vẫn luôn được bảo tồn qua nhiều năm tháng.



1 Vị trí địa lí

Phố Hiến là một địa danh lịch sử – văn hoá, nằm trên địa bàn thành phố Hưng Yên ngày nay. Là một cảng thị hình thành khoảng thế kỉ XV và phát triển thành một sầm uất, nhộn nhịp nhất cả nước vào thế kỉ XVII – XVIII, Phố Hiến xưa trải dài “thượng chí tam Đàng (Xích Đàng, Đàng Châu, Đàng Mạn), hạ chí tam Dương (Hoa Điền, Hoa Cái, Hoa Dương)” nay thuộc phần đất từ thôn (khu phố) Đàng Châu (phường Lam Sơn) tới thôn Nễ Châu (phường Hồng Châu).

Phố Hiến xưa nằm sát bên bờ tả ngạn sông Hồng, nhưng do phù sa bồi đắp nên ngày nay đã ở cách dòng sông khoảng 2 km. Vị trí của Phố Hiến có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các tuyến giao thông đường thuỷ thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ. Phố Hiến là nơi trung chuyển, cửa ngõ án ngữ của mọi tuyến giao thương đường sông từ vùng biển Bắc Bộ đi sâu vào đất liền tới Kinh thành Thăng Long, qua các tuyến sông Đáy, sông Hồng, sông Thái Bình. Phố Hiến mang diện mạo của một đô thị kinh tế với kết cấu bến cảng sông, một tập hợp chợ, khu phường phố và thương điểm của người nước ngoài.



Đọc thông tin và kiến thức thực tế, hãy: xác định vị trí của Phố Hiến.

2 Sự ra đời và phát triển của đô thị Phố Hiến

Tên gọi Phố Hiến có thể xuất hiện vào cuối thế kỉ XV, khi vua Lê Thánh Tông chia đất nước thành 13 đạo thừa tuyên¹. Mỗi thừa tuyên có ty hiến sát để giám sát, kể cả kiểm soát đường thuỷ. Có lẽ, vì ty hiến sát trên dải đất bờ sông này mà phố buôn được quen gọi là Phố Hiến.

Thế kỉ XVI – XVII là thời kì phát triển hưng thịnh của đô thị Phố Hiến. Phố Hiến trở thành thủ phủ của trấn Sơn Nam. Dân cư tập trung ở đây rất đông.

Hoạt động buôn bán diễn ra trong các phường hội và các chợ. Vào nửa sau thế kỉ XVI, các thuyền buôn của Hoan Châu qua lại buôn bán giữa xứ Nghệ và Phố Hiến.

Mỗi giao thương giữa Phố Hiến với Phục Lễ, Phù Thạch (Nghệ An) diễn ra hằng tuần, các thương thuyền chở hàng ra Phố Hiến để bán. Hàng hoá là lâm – thổ sản, hải sản, nón viên cơ đuôi quai thao khám bạc, trầm hương, xạ hương, sa nhân, quế, quỳ và các đặc sản khác. Mặt hàng từ Phố Hiến chuyển vào Nghệ An là gạo, thuốc Lào, thuốc bắc, giấy bút Tàu, thuốc nhuộm Tàu, quạt Tàu,...



Hình 2. Mô phỏng Phố Hiến xưa (tranh vẽ)

Các thương nhân ở Phố Hiến còn mở rộng buôn bán với Đàng Trong.

Nhân dân các địa phương khác cũng đến sản xuất và buôn bán tại Phố Hiến như người làng Đa Nguu làm thuốc bắc, nghề nhuộm của người làng Đan Loan.

¹ Tương đương với tỉnh ngày nay.



Mô tả hoạt động buôn bán với các địa phương trong nước ở Phố Hiến.

Kinh tế ngoại thương phát triển mạnh ở Phố Hiến, đặc biệt là trong thế kỉ XVII. Hoạt động thương mại của Phố Hiến gắn liền với sự năng động của người Hoa và người Nhật.

Người Hoa đến Phố Hiến ngụ cư, làm ăn từ thế kỉ XII và trở nên đông đúc vào các thế kỉ XVI – XVII. Chính sách của các chính quyền phong kiến cũng góp phần cho người Hoa cư trú tập trung về Phố Hiến. Năm 1687, lệnh cấm người ngoại quốc không được ở lẫn với dân gian. Người ngoại quốc không được phép “tụ cư” cũng như không được vãng lai đến kinh thành, chỉ ở dinh Cao Dao hoặc trở về Vạn Lai Triều hay Hải Dương. Thương nhân đến gặp vua chúa, quan lại đều bị các quan Cai điều, Trấn thủ giám sát chặt chẽ.



Thương thuyền ngoại quốc sẽ neo đậu ở vị trí do nhà nước quy định và khi được sự đồng ý của quan Trấn thủ sẽ có hoa tiêu dẫn đường. Thông thường, sau khi các vị quan phụ trách kiểm soát, khám xét các tàu thuyền, hàng hoá mới được bốc dỡ xuống các thuyền nhỏ hơn để đưa vào đất liền và tập kết tại Phố Hiến. Khi các thương nhân ngoại quốc xin phép từ chính quyền Lê – Trịnh cho xây dựng thương điểm thì hàng hoá mới được cất giữ tại kho của những thương điểm.

Người Nhật Bản đến Phố Hiến vào khoảng đầu thế kỉ XVII và thường có hoạt động đổi bạc, đồng lấy tơ và vải lụa. Trong thời kì Châu Ấn thuyền¹ hoạt động, đã có 35 thuyền của Nhật Bản tới Đàng Ngoài, trong đó có Phố Hiến. Người Nhật còn làm hoa tiêu cho tàu các nước đến Phố Hiến, làm phiên dịch, môi giới...

Ở Phố Hiến còn có hoạt động của các thương nhân Xiêm, Ma-lay-xi-a, Phi-lip-pin,...

Người phương Tây đến Phố Hiến có các giáo sĩ, lái buôn Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp. Trong đó, người Bồ Đào Nha được Giáo hoàng giao độc quyền truyền đạo ở phương Đông. Làm ăn sôi động nhất là người Hà Lan. Họ lập thương điểm ở đây, làm ăn lâu dài, từ năm 1637 đến năm 1700.

¹ Loại thuyền buồm thương mại của Nhật Bản có trang bị vũ trang, được cấp phép thông hành có dấu triện đỏ (Châu Ấn).



Hình 3. Mô phỏng Phố Hiến xưa (tranh vẽ)



1. Kể tên những nước có thương nhân đến buôn bán ở Phố Hiến.
2. Sự xuất hiện của nhiều người nước ngoài đến buôn bán ở Phố Hiến chứng tỏ điều gì.

3 Phố Hiến suy tàn

Sau thời kì hưng thịnh, Phố Hiến bước vào thời kì suy thoái, giao thương với các nước suy giảm rõ rệt. Đầu thế kỉ XVIII, người Pháp và người Anh đều ngừng mọi hoạt động buôn bán ở Phố Hiến.

Sau khi cuộc nội chiến Đàng Ngoài – Đàng Trong kết thúc, nhu cầu về vũ khí không nhiều như khi còn chiến tranh, chính quyền Lê – Trịnh đã thay đổi chính sách ngoại thương và tỏ thái độ không mặn mà trong việc buôn bán với phương Tây. Đây có thể coi là một trong những nguyên nhân quan trọng tác động đến sự suy thoái của Phố Hiến.

Bên cạnh đó, còn có nguyên nhân khách quan như việc thương nhân phương Tây khó khăn trong việc cạnh tranh với thương nhân người Hoa ở thị trường Đại Việt, sự thay đổi nội tại của các nước phương Tây. Các nhà nghiên cứu cũng thống nhất,

còn có một nguyên nhân xuất phát từ điều kiện địa lí tự nhiên ảnh hưởng đến sự suy tàn của Phố Hiến. Sông Hồng đổi dòng từ sát Phố Hiến sang địa phận huyện Lý Nhân (Hà Nam), chuyển dịch cách xa Phố Hiến gần 2 km. Đô thị cảng Hải Phòng trỗi dậy khiến Phố Hiến mất đi vị thế vốn có của đô thị và cảng sông phát đạt.



Trình bày nguyên nhân suy tàn của đô thị Phố Hiến.

4 Dấu tích Phố Hiến xưa

Trải qua những biến cố lịch sử và sự thay đổi của tự nhiên, ngày nay, di sản văn hoá vật thể, phi vật thể đồ sộ, đặc sắc của Phố Hiến vẫn còn được lưu giữ. Trên địa bàn thành phố Hưng Yên vẫn tồn tại quần thể kiến trúc cổ với hơn 100 di tích lịch sử, văn hoá có giá trị, trong đó có 20 di tích xếp hạng cấp quốc gia, 25 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Đặc biệt, năm 2014, 16 di tích trọng điểm tiêu biểu (13 di tích cấp quốc gia và 3 di tích cấp tỉnh) của thành phố Hưng Yên đã được xếp hạng Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quốc gia đặc biệt Khu di tích Phố Hiến.

Lễ hội văn hoá dân gian Phố Hiến được tổ chức vào tháng 3 âm lịch hằng năm tại các di tích đã tái hiện không gian văn hoá truyền thống đặc sắc của cư dân Phố Hiến xưa.



*Hình 4. Hồ Bán Nguyệt
(phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên)*



*Hình 5. Chùa Chuông
(phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên)*



- 1 Mô tả những nét chính về đô thị Phố Hiến thời Hậu Lê.
- 2 Trình bày vai trò của Phố Hiến trong giao lưu thương mại thời Hậu Lê.
- 3 Giải thích nguyên nhân suy tàn của đô thị Phố Hiến.
- 4 Lập danh sách các di tích trong quần thể khu di tích Phố Hiến (theo mẫu).

STT	Tên di tích	Địa chỉ
1		
2		
3		
...		



- 1 Thiết kế một tour du lịch tham quan khu di tích Phố Hiến trong một ngày.

Chủ đề 6

TỤC NGŨ, CA DAO HUNG YÊN

Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được một số tục ngữ, ca dao ở Hưng Yên.
- Nêu được ý nghĩa của một số tục ngữ, ca dao ở Hưng Yên.
- Phân tích được mối liên hệ giữa một số tục ngữ, ca dao ở Hưng Yên với một số nhân vật, địa danh, sự kiện lịch sử trên đất Hưng Yên.

*Dù ai buôn bắc bán đông
Đố ai quên được nhãn lồng Hưng Yên.¹*

(Ca dao)



Hình 1. Hình ảnh bia chứng nhận cây nhãn tổ tại chùa Hiến (thành phố Hưng Yên)

¹ Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Hưng Yên*, Tập 1: Từ nguyên thủy đến 1945, Sđd, tr.263.



Ca dao, tục ngữ ở Hưng Yên được kế thừa và phát triển trên nền tảng của văn hoá địa phương. Nội dung của ca dao, tục ngữ phản ánh đa dạng đời sống của cư dân Hưng Yên. Ngoài những giá trị và tính chất chung của tục ngữ, ca dao Việt Nam, tục ngữ, ca dao Hưng Yên còn mang vẻ đẹp riêng của quê hương nhãn lồng – vùng đất yên ả, thanh bình, con người chăm chỉ trong lao động, thuần phác trong tính cách, tinh tế trong ứng xử, khéo léo trong ăn uống...



1 Tục ngữ

Cũng giống như tục ngữ của các miền quê khác, tục ngữ Hưng Yên phản ánh đời sống, đúc rút kinh nghiệm sản xuất và các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp là chính. Tuy nhiên, từ xa xưa, Hưng Yên có nhiều nghề, làng nghề nên có nhiều câu tục ngữ phản ánh điều đó. Tục ngữ Hưng Yên cũng có nhiều câu phản ánh sự khác biệt về phong tục, tập quán giữa các làng.

Về hình thức, tục ngữ Hưng Yên không chỉ có vãn 4 mà còn có vãn 5, vãn 6, vãn 7. Đây là hiện tượng khá hiếm hoi trong kho tàng tục ngữ người Việt.

Các câu tục ngữ phản ánh kinh nghiệm quan sát các hiện tượng tự nhiên để áp dụng vào lao động sản xuất của nhân dân, phản ánh kinh nghiệm về mùa vụ; thực địa để áp dụng vào sản xuất gieo trồng. Bên cạnh đó, tục ngữ còn có nhiều câu ghi nhớ ví von, về các sản vật riêng.

1. *“Cỏ gà mọc lang, cả làng có nước”*¹
2. *“Ếch kêu uôm uôm ao chuôm đầy nước”.*
3. *“Tháng chín nhiều giông, mùa đông rét muộn”*²
4. *“Cầu vồng mống cụt, không lụt thì bão”*³
5. *“Vòng rập mưa rào, vòng cao mưa táp”,*
“Vòng chiều mưa sáng, ráng chiều mưa hôm”.
6. *“Lúa mùa thì cấy cho sâu*
*Lúa chiêm thì cấy canh dâu mới vừa”*⁴

^{1,2,3,4} Vũ Tiến Kỳ, Nguyễn Đức Can, *Tục ngữ, ca dao Hưng Yên*, Nxb.Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2010, tr.23, tr.24, tr.66.

7. “Ra đi mẹ đã dặn dò
Ruộng độc cấy lúa, ruộng gò trồng rau”¹
8. “Đom đóm bay ra, vừng tra đậu vãi”.
9. “Cua đồng Giá, cá đồng Mừng”
10. “Mai Viên lắm cá, Mai Xá lắm cua”
11. “Ngô Trù Châu, dâu tổng Mễ”
12. “Lúa làng Tè, tre làng Phận”
13. “Bánh cuốn Sài Trang, dưa gang Thượng Cồ”²
14. “Thuốc Nghĩa Trai, khoai ấp Tó”
15. “Tiền Bàn, lụa Lác, bạc Xuân Cầu”³...



1. Nêu những nội dung cơ bản của tục ngữ ở Hưng Yên.
2. Đọc và giải thích nội dung một câu tục ngữ.

2 Ca dao

Hưng Yên được coi là quê hương của nhiều làn điệu dân ca nên ca dao của Hưng Yên rất phong phú (do ca dao cơ bản xuất phát từ dân ca) cả về số lượng, hình thức và nội dung. Ca dao Hưng Yên phản ánh nghề nghiệp đa dạng của cư dân, ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, thể hiện tình cảm gia đình, tình yêu thương, đoàn kết, cần cù lao động của nhân dân, tình yêu nam nữ. Ca dao Hưng Yên cũng phản ánh các sự kiện lịch sử của địa phương và dân tộc. Trong đó, nhiều câu ca dao mang tính bác học, hàn lâm bởi những người “xui” (người đứng phía sau, cố vấn cho các bên) trong hát trống quân đối đáp là các nhà Nho, người có học.

Ca dao cho thấy sự đa nghề của đất và người Hưng Yên:

¹ Vũ Tiến Kỳ, Nguyễn Đức Can, *Tục ngữ, ca dao Hưng Yên*, Nxb. Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2010, tr.24, tr.66.

² Sài Trang: Tổng Sài Trang thuộc huyện Yên Mỹ, gồm các làng: Sài Trang, Nghĩa Trang, Đạo Khê, Quần Ngọc, Thi Ngọc, Nội Tây, Đường Hào, Đường Trang, Đoan Trang, Hào Trung, Trung Đạo, Tam Trạch, Đăng Cáo. Bánh cuốn ngon nhất là ở 2 làng Sài Trang và Nghĩa Trang (nay thuộc thị trấn Yên Mỹ).

Thượng Cồ: Tổng Thượng Cồ, thuộc huyện Yên Mỹ, gồm bảy làng: Hoan Ái, Cảnh Lâm, Yến Đô, Đông Mỹ, Dã Cầu, Lãng Cầu, Châu Xá. Dưa gang được trồng nhiều ở Hoan Ái, Cảnh Lâm, Yến Đô (thuộc xã Tân Việt, huyện Yên Mỹ).

³ Lê Xuân Tê, *Văn học dân gian Đường Hào*, tr.60–61.

1. "Bây giờ ta mới gặp ta,
Thì ta sẽ hoạ ắt là không sai.
Trên Cát thì đi đánh chài,
Nghĩa Lộ hàng xáo, Đông Mai đúc nồi.
Làng Trinh làm bún ai ơi!
Hoàng Nha, Thanh Đặng buôn thời lợn con
Cấm Đường có nghề câu lươn,
Ở trên Cầu, Sủi đi buôn lá bàng.
Làng Chập đi bán nôi rang,
Ở dưới Cầu Đất nghênh ngang hát chèo.
Làng Bần có nghề bánh bèo,
Làng Đùng rổ rá đem treo đầy nhà.
Làng Khuốc thổi kèn đám ma,
Liêu Thượng bưng trống thuộc da cả làng.
Làm mã dưới Đệu ba làng
Cày, bừa, dao, sắt cũng là Muồng, Chinh..."¹

2. "Mễ Nhạn có đất buôn nâu
Phú Trạch là đất trồng dâu, nuôi tằm
Phú Thị nhuộm vải bán trăm
Thiết Trụ nấu rượu tế thần mọi nơi
Đa Hoà đập đá nung vôi
Bằng Nha dệt cử là nơi thanh nhàn
Chằm Hoàng lằm ruộng đồng quan
Ta ngồi kể chuyện tám làng cùng nghe".²

¹ Vũ Tiến Kỳ, Nguyễn Đức Can, *Tục ngữ, ca dao Hưng Yên*, Sđd, tr.120. Các làng nghề được kể trong bài ca dao thuộc các huyện: Huyện Văn Lâm có Đường Cát, Nghĩa Lộ, Đông Mai, làng Trinh (xã Chỉ Đạo), làng Hoàng Nha, Thanh Đặng (xã Minh Hải); thị xã Mỹ Hào gồm các làng: Cấm Đường (xã Cấm Xá), làng Cầu Đất, làng Đùng, làng Khuốc (xã Phan Đình Phùng), làng Bần (phường Bần Yên Nhân), làng Đệu (xã Minh Đức), làng Muồng (xã Hòa Phong), làng Chinh (xã Dương Quang); huyện Yên Mỹ có làng Liêu Thượng và hai chợ là chợ Cầu (xã Nghĩa Trụ, Văn Giang), chợ Sủi (huyện Thuận Thành, Bắc Ninh).

² Lê Văn Ba, *Miền quê Văn Giang*, tr.149. Mễ Nhạn, Phú Trạch, Phú Thị, Đa Hoà, Bằng Nha, Thiết Trụ, Hoàng Trạch thuộc huyện Văn Giang.

Ca dao ở Hưng Yên còn gửi gắm tình yêu con người, tình yêu đôi lứa, hoà quyện với tình yêu làng mạc, nơi chôn rau cắt rốn, niềm tự hào về những cảnh đẹp và sản vật của quê hương mình:

*“Đồn rằng hội Đâu¹ vui thay
Bên Đông có miếu, bên Tây có chùa
Trên cầu có miếu thờ vua
Dòng sông nước chảy, đò đưa rập rình
Ước gì ta lấy được mình
Ta về đánh giải giữa đình Đoan Khê²
Đoan Khê có hát đại trà
Ta về đánh giải³ cho ra vợ chồng”.*

Ca dao ở Hưng Yên có nhiều bài tình cảm, sâu lắng, được đúc kết từ văn hoá của các địa phương:

*Một năm được mấy tháng xuân
Đi chơi cho khắp hội gần hội xa
Nhất đông là hội Đa Hoà,
Nhất vui là hội Đùng – Đà, An Viên.
Muốn xem các cụ múa quyền,
Thì lên đền Ủng một phen cho tường.
Muốn thăm những khách văn chương,
Đến đền quan Trọng, quê hương An Cầu.*

Bên cạnh đó, nhiều bài ca dao còn thể hiện tình yêu nam nữ với những lời ca tình tứ ngọt ngào, sâu lắng:

*1. Gái Bông như có bùa mê,
Để chàng quên cả đường về lối ra.*

¹ Hội Đâu là lễ hội của đền Đâu An (đền An Xá) thuộc xã An Viên, huyện Tiên Lữ.

² Đoan Khê thuộc xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm.

³ Đánh giải là một trò chơi trong lễ hội.

2. *Hỡi cô đi cấy lấy công,
Cho tôi nhớ mạ tiền chung một nhà.
Mang về phụng dưỡng mẹ cha
Gia đình hoà thuận mới là sướng vui.*

Ca dao ở Hưng Yên còn phản ánh các sự kiện lịch sử của địa phương và dân tộc:

*Hoàng Ngân sánh với Bà Trưng
Tam Nông, Phan – Tống lấy lừng đánh Tây¹*

Ca dao nói về sự kiện thực dân Pháp xâm lược và đô hộ quê hương:

*Con cò mà đậu cành tre
Ông tây bắn súng cò què một chân
Sáng mai mẹ công chợ Bần²
Mọi người mới hỏi sao chân cò què
Cò rằng cò đậu ngọn tre
Ông Tây bắn súng nên cò què chân.*

Hay ca dao nói về phong trào chống Pháp của nhân dân Hưng Yên:

1. *Tân Dân³ một tháng ba mươi sáu trận chống càn
Xác thù chất đống, máu loang đầy đồng*
2. *Đống xương Thiết Trụ⁴, vũng máu Nghi Xuyên⁵
Cây đa Đông Tảo còn in hận thù.*
3. *Ai về thăm đất Tống Phan,
Xác thù chất đống ngổn ngang đầy đồng.*

¹ Vũ Tiến Kỳ, Nguyễn Đức Can, *Tục ngữ, ca dao Hưng Yên*, Sđd, tr.172. Đội nữ du kích lấy tên nữ anh hùng liệt sĩ Hoàng Ngân, bí thư phụ nữ cứu quốc Hưng Yên trong thời kì chống Pháp. Thôn Tam Nông, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ và hai thôn Tống Xá, Phan Xá, xã Tống Phan, huyện Phù Cừ là những địa phương có thành tích nổi bật trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

² Bần: tức Bần Yên Nhân, nay là phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào.

³ Tân Dân thuộc huyện Khoái Châu. Thời kì kháng chiến chống Pháp, nhân dân xã Tân Dân anh dũng chống lại nhiều trận càn, vây ráp của giặc Pháp, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

⁴ Thiết Trụ: thôn Thiết Trụ, xã Bình Minh, huyện Khoái Châu.

⁵ Nghi Xuyên: thôn Nghi Xuyên, xã Chí Tân, huyện Khoái Châu.

Hai mươi chiến đấu oai hùng,
Bọn Tây xâm lược coi chừng từ đây.

4. Ai vào mảnh đất Đường hào
Có cụ Tán Thuật đào hào đánh Tây.



1. Nội dung cơ bản của ca dao ở Hưng Yên thường phản ánh điều gì.
2. Phân tích ý nghĩa của một câu ca dao của Hưng Yên.



- 1 Đọc một số câu ca dao, tục ngữ ở Hưng Yên và phân tích ý nghĩa của câu ca dao, tục ngữ đó.
- 2 Sắp xếp các câu tục ngữ ở Hưng Yên trong mục 1 theo nội dung sau:
 - a) Tục ngữ nói về thời tiết.
 - b) Tục ngữ nói về tập quán sản xuất.
 - c) Tục ngữ nói về sản vật các địa phương.
- 3 Trình bày mối liên hệ giữa một số ca dao ở Hưng Yên với một số nhân vật, địa danh, sự kiện lịch sử trên đất Hưng Yên (theo mẫu).

STT	Ca dao	Nhân vật/ Địa danh/ Sự kiện lịch sử
1		
2		
3		



- 1 Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ khác ở Hưng Yên.
- 2 Tổ chức thi đọc ca dao, tục ngữ ở Hưng Yên giữa các tổ trong lớp.

Chủ đề 7

NÉT ĐẸP VĂN HOÁ HUNG YÊN

Mục tiêu

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được một số nét đẹp văn hoá của Hưng Yên.
- Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy được nét đẹp văn hoá của Hưng Yên.
- Phê phán những việc làm trái ngược với nét đẹp văn hoá của Hưng Yên.

“Thứ nhất Kinh Kì, thứ nhì Phố Hiến”



Hình 1. Phố Hiến (thành phố Hưng Yên)



Hưng Yên nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và tam giác tăng trưởng Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Đây là mảnh đất phù sa màu mỡ, đậm nét truyền thống văn hiến của đất nước ta. Cùng với chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, nơi đây sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt, các nhà văn hoá lớn đã góp phần làm rạng danh quê hương đất nước. Bên cạnh đó, Hưng Yên là địa phương có nhiều di tích lịch sử văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng, lễ hội đặc sắc. Phát huy truyền thống dân tộc và quê hương, mỗi người con Hưng Yên luôn tự hào, gìn giữ, tôn tạo những giá trị tốt đẹp của quê hương và không ngừng vươn lên xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.



I. NÉT ĐẸP QUÊ HƯƠNG

1 Truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng quê hương đất nước

Ngay từ thời mở đất, truyền thống yêu nước, yêu quê hương và đoàn kết chống giặc ngoại xâm của nhân dân Hưng Yên đã được hun đúc. Có những chiến công, những địa danh của Hưng Yên đã đi vào lịch sử kháng chiến của dân tộc như: căn cứ Dạ Trạch kháng chiến chống giặc Lương, cửa Hàm Tử đại phá quân Mông – Nguyên, căn cứ Bãi Sậy chống giặc Pháp... Hưng Yên cũng là quê hương của nhiều tướng lĩnh lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống quân xâm lược như: Triệu Quang Phục, Phạm Bạch Hổ, Phạm Ngũ Lão, Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật, Hoàng Hoa Thám...; các nhà yêu nước, nhà cách mạng như: Phó Đức Chính, Nguyễn Văn Linh, Tô Hiệu, Lê Văn Lương, Nguyễn Bình... cùng hàng trăm tướng lĩnh trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ QUÊ HƯƠNG HƯNG YÊN

Một vài nét về tiểu sử Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh

Nguyễn Văn Linh tên thật là Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc), sinh ngày 1/7/1915 tại làng Yên Phú, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Thời niên thiếu, ông phải chịu đựng bất hạnh: 5 tuổi đã mồ côi mẹ, 11 tuổi mồ côi cha. Ông đã sống những tháng ngày sau đó bằng sự đùm bọc của người thân. Sống trong cảnh nước mất, nhà

tan, ông Cúc đã sớm có tinh thần yêu nước, tham gia tổ chức cách mạng của Đảng, giữ nhiều vị trí quan trọng trong các tổ chức Đảng những năm kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước. Đến năm 1986, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991), ông thôi giữ chức Tổng Bí thư, làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996), ông được cử lại làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ông mất ngày 27/4/1998 tại thành phố Hồ Chí Minh.¹

Tấm gương sáng “Tận trung với nước, tận hiếu với dân”

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã có những đóng góp to lớn vào việc hoạch định đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Với gần 70 năm hoạt động, đồng chí đã hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng ta, dân tộc ta. Cuộc đời của đồng chí là tấm gương sáng ngời của người cộng sản đã phấn đấu kiên cường và hoàn thành xuất sắc nhiều trọng trách được Đảng và nhân dân giao cho ở những thời điểm khó khăn của cách mạng; là người hội tụ những phẩm chất quý báu của một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng. Cuộc đời và sự nghiệp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã để lại nhiều bài học quý. Đó là vai trò và trọng trách của người lãnh đạo cách mạng luôn tâm huyết, sẵn sàng đương đầu, đứng mũi chịu sào vượt qua khó khăn thử thách và những cam go khốc liệt của các cuộc đấu tranh để dẫn dắt phong trào đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó cũng là bài học về những dấu ấn của sự tìm tòi, sáng tạo phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh sớm tiếp thu truyền thống yêu nước, một lòng đi theo Đảng. Hai lần bị địch bắt và tra tấn dã man tại địa ngục trần gian nhà tù Côn Đảo, người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi vẫn kiên cường cùng đồng đội biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng. Sau khi ra tù, đồng chí đã sát cánh cùng đồng bào, chiến sĩ miền Nam vượt qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ; làm nên dấu ấn đậm nét về cuộc Đồng Khởi, tiến đến thắng lợi hoàn toàn mùa Xuân 1975. Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh: “dân là gốc”, “dân làm gốc”, coi nhân dân là cội nguồn sức mạnh của Đảng, luôn gần dân, tin dân và vì dân; ở cương vị nào đồng chí cũng luôn xác định phải kiên trì lấy dân làm gốc, “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

¹ Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hưng Yên, *Danh nhân Hưng Yên*, 2019.

Những điều này đã toát lên phẩm chất người cộng sản mẫu mực, là tấm gương sáng cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo.

Người lãnh đạo kiên định và sáng tạo trong công cuộc đổi mới

Với trọng trách Tổng Bí thư đầu tiên thời kì đổi mới năm 1986, đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn kiên định, sáng tạo, xác định đổi mới phải có nguyên tắc, phải kiên trì mục tiêu chủ nghĩa xã hội bằng con đường phù hợp với quy luật khách quan. Đổi mới phải tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, cùng lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đồng chí đề ra quyết sách tháo gỡ khó khăn, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Sau một năm thực hiện Khoán 10, cải cách nông nghiệp, năm 1989, từ một nước nhập khẩu lương thực và thiếu đói, Việt Nam đã đáp ứng đủ nhu cầu và xuất khẩu trên 1 triệu tấn gạo/năm. Lạm phát được ngăn chặn và đẩy lùi, sự bình ổn về kinh tế đã tạo bước ổn định về chính trị, xã hội. Thực hiện đường lối đổi mới, đồng chí Nguyễn Văn Linh vừa chú trọng thực hiện những quan điểm cơ bản có ý nghĩa chiến lược, vừa quan tâm “những việc cần làm ngay” kết hợp chặt chẽ “nói và làm”. Những bài viết trên báo Nhân dân ký tên N.V.L có ý nghĩa chỉ đạo sâu sắc, kịp thời khắc phục bệnh quan liêu, trì trệ, vô cảm trong lãnh đạo, quản lí ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực. Trong điều kiện quan hệ quốc tế có nhiều biến động phức tạp, đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn khẳng định đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng ta với chính sách ngoại giao rộng mở. Theo đó, chúng ta đã phá được thế bao vây cấm vận, thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế và nhiều nước, có những quyết sách ý nghĩa như: bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, trở thành thành viên chính thức của ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước trong cộng đồng EU, tạo cơ sở bình thường hoá quan hệ Việt – Mỹ... Đây là những vấn đề mang tính bước ngoặt, khẳng định công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong việc kiến tạo môi trường quan hệ quốc tế thuận lợi, đưa Việt Nam bước vào thời kì hội nhập và phát triển.

Người con ưu tú của quê hương Hưng Yên

Từ khi theo cách mạng, dù bận nhiều việc quốc gia song đồng chí Nguyễn Văn Linh luôn hướng về Hưng Yên bằng tình cảm và sự quan tâm sâu sắc. Trong những năm xa quê, đồng chí đã 6 lần về thăm và làm việc tại Hưng Yên và xã nhà Giai Phạm (huyện Yên Mỹ), đồng chí còn thể hiện sự quan tâm bằng những lá thư, bức điện, những lẵng hoa chúc mừng, những lời dặn dò, động viên và thăm hỏi ân cần, dành sự quan tâm

đặc biệt tới từng bước tiến, bước trưởng thành của quê hương Hưng Yên. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIV diễn ra tháng 11/1997, đồng chí Nguyễn Văn Linh gửi điện chúc mừng cùng với nguyện vọng: “Xin gửi lời chúc mừng Đại hội đạt kết quả tốt đẹp. Tỉnh uỷ sẽ xây dựng mọi mặt của tỉnh nhà thật tốt, đưa Hưng Yên trở thành một tỉnh mạnh của toàn quốc Việt Nam”. Đó cũng chính là lời căn dặn cuối cùng của đồng chí Nguyễn Văn Linh với Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên.

Thực hiện lời dặn của đồng chí Nguyễn Văn Linh, những năm qua, bằng sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, sau hơn 20 năm tái lập tỉnh, Hưng Yên đã xây dựng được nền tảng kinh tế – xã hội đồng bộ, thu ngân sách năm 2019 đạt hơn 16 000 tỉ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng/năm. Từ năm 2017 đến nay, Hưng Yên là một trong số các tỉnh tự cân đối thu – chi và có đóng góp với ngân sách Trung ương.



Hình 2. Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh về thăm, chúc Tết cán bộ và xã viên (xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ) nhân dịp Tết Đinh Mão (1987)

Cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh đối với Cách mạng Việt Nam được Đảng, Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Trong cuộc sống, Ông là một tấm gương về sự giản dị, liêm khiết, dân chủ, trung thực, sâu

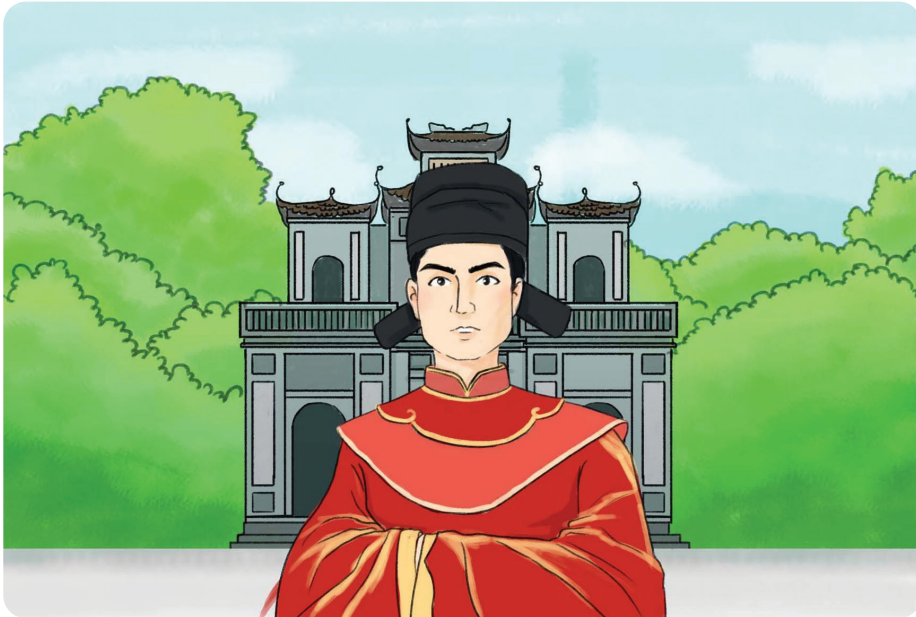
sát với thực tế. Ông được đồng bào, đồng chí cả nước tin yêu kính phục. Với quê hương Hưng Yên, Nguyễn Văn Linh là người con ưu tú và là niềm tự hào, là tấm gương cho các thế hệ trẻ tiếp bước, noi theo.

1. Những việc làm nào của các nhà cách mạng trong những thông tin trên thể hiện rõ truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm của con người Hưng Yên?

2. Hãy chia sẻ về những tấm gương tiêu biểu khác về tinh thần yêu nước ở nơi em sinh sống?

2 Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng nhân tài

DÒNG HỌ HIẾU HỌC TIÊU BIỂU CỦA HUYỆN VĂN LÂM



Hình 3. Trạng nguyên Dương Phúc Tư

Trạng nguyên Dương Phúc Tư (1505 – 1564) là người khai khoa cho dòng họ Dương, xã Lạc Đạo (huyện Văn Lâm). Thuở hàn vi, Dương Phúc Tư vừa đi cày vừa học. Sẵn có tư chất thông minh, lại ngày đêm đèn sách, với sự quan tâm dạy dỗ chu đáo của người cha – người thầy mẫu mực là cụ Giảng Dụ Nghĩa Yên, Dương Phúc Tư đã đạt đến đỉnh cao của nền học vấn đương thời.

Năm 43 tuổi, Dương Phúc Tư đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ, đệ nhất danh (tức Trạng nguyên), đứng đầu 30 tiến sĩ đời Mạc Phúc Nguyên. Cụ trả lời bài sách vấn xuất sắc nên được vua khen: “Trả lời mọi câu đều thiết thực, đúng là một cây bút lớn. Đó chính là cái gọi là khi bậc chân nho ra đời thì đạo sẽ hanh thông từ trên xuống dưới”.

Trạng nguyên Dương Phúc Tư từng làm quan đến chức Binh bộ Thượng thư, được vua phong là Tử Khanh Thiếu Bảo, Dương tướng công. Về sau, Dương Phúc Tư từ quan, đi dạy học ở Sơn Tây. Học trò của Trạng nguyên Dương Phúc Tư có nhiều người đỗ Cử nhân, Tiến sĩ. Sau này, Trạng nguyên Dương Phúc Tư về quê hương sinh sống và mất năm 1564, hưởng thọ 59 tuổi.

Kế thừa tinh thần hiếu học của Trạng nguyên Dương Phúc Tư, dòng họ Dương đã có nhiều người đỗ đạt cao, làm nên sự nghiệp vẻ vang. Tính từ năm 1547 đến năm 1754, họ Dương ở xã Lạc Đạo có 10 người đỗ đại khoa, trong đó có 1 trạng nguyên và 9 tiến sĩ bao gồm: Dương Phúc Tư, Dương Thuần, Dương Hoàng, Dương Ngọc Nguyên, Dương Hạo, Dương Lê, Dương Quán, Dương Công Thụ, Dương Trọng Khiêm, Dương Quyết.

Tưởng nhớ ân đức của Trạng nguyên Dương Phúc Tư, con cháu dòng họ Dương và nhân dân sở tại dựng nhà thờ cụ trên nền đất của dòng họ, tại thôn Lạc Đạo, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm. Nhà thờ Trạng nguyên Dương Phúc Tư được xây dựng từ thời Lê và đã trải qua nhiều lần tu sửa vào thời Nguyễn. Năm 2010, Nhà thờ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp Bằng xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh. Hiện tại, nhà thờ vẫn giữ được nét kiến trúc thời Lê – Nguyễn đan xen và giữ được nhiều hiện vật có giá trị lịch sử như hoành phi, câu đối, các đồ thờ, các sắc phong, gia phả, bia đá, câu đối tưởng nhớ và ca ngợi công đức và sự nghiệp của Dương Phúc Tư. Trong đó, có nhiều câu đối nói về tinh thần hiếu học như:

*Tiên tổ Trạng nguyên, thanh thế công danh vang triều Mạc
Hậu sinh Tiến sĩ, lưu truyền khoa bảng hiển Dương gia.*

Tạm dịch:

*Tổ tiên Trạng nguyên, công lớn danh thơm, vang triều Mạc;
Con cháu Tiến sĩ, lưu truyền khoa bảng, rạng họ Dương.*

Hoặc:

*Thế đức cơ cầu, nhân ngưỡng Đẩu sơn chi vọng
Gia phong lãnh tụ, đại truyền hồ hải chi văn.*

Tạm dịch:

*Thế đức giữ gìn, mọi người ngưỡng vọng bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu
Gia phong tài lớn, đời truyền văn chương đầy khí khái, hào hùng.*

Tưởng nhớ Trạng nguyên Dương Phúc Tư, năm 2002, huyện Văn Lâm đã quyết định đặt tên cho trường THCS chất lượng cao của huyện là Trường THCS Dương Phúc Tư.

Ngày nay, dòng họ Dương ở Lạc Đạo vẫn giữ vững truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Mỗi năm, dòng họ có khoảng 40 người đỗ đại học và 50 – 70 cháu đạt danh hiệu Học sinh giỏi. Hằng năm, dòng họ tổ chức giỗ Tổ vào ngày Rằm tháng Giêng và trao thưởng cho con cháu đỗ đạt. Các buổi vinh danh, khen thưởng các cháu học sinh có thành tích cao trong học tập trở thành ngày hội của dòng họ, để con cháu đời sau thêm tự hào và nối tiếp truyền thống hiếu học, khoa bảng của tổ tiên.

3 Truyền thống lao động, cần cù, sáng tạo, vươn lên trong cuộc sống

Nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, Hưng Yên là một tỉnh thuần nông. Ngoài nghề trồng trọt là nghề chính, nhân dân Hưng Yên đã năng động, sáng tạo làm thêm nhiều nghề. Từ đó phát triển thành các làng nghề truyền thống như: nghề đúc đồng ở Lộng Thượng, nghề buôn đồng ở xã Đại Đồng (huyện Văn Lâm), nghề đan thuyền ở Nội Lễ (xã An Viên, huyện Tiên Lữ), nghề làm tương Bần (phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào), nghề buôn thuốc bắc ở Đa Ngưu, nghề nhuộm vải ở Xuân Cầu (huyện Văn Giang)...

Trong thời đại mới, nhân dân Hưng Yên vẫn phát huy truyền thống, cần cù, sáng tạo, vượt khó vươn lên xây dựng quê hương giàu đẹp. Đến năm 2020, Hưng Yên là một trong ba tỉnh đầu tiên của cả nước được công nhận là tỉnh hoàn thành xây dựng nông thôn mới.



Hình 4. Nghề đan dó (xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ)



Theo em, từ ngữ nào thể hiện được nét đẹp về truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo trong đoạn thông tin trên.

XÃ MỄ SỞ VƯỜN MÌNH PHÁT TRIỂN

Xã Mễ Sở (huyện Văn Giang) từ thời triều Nguyễn là vùng đất nhiều năm gặp lụt do vỡ đê, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Nhưng với truyền thống văn hiến, cách mạng, năng động, cần cù, chịu khó, sáng tạo, nhạy bén trong lao động sản xuất, đời sống nhân dân nơi đây trở nên khá giả hơn so với các làng, xã khác trong vùng.

Năm 1985, xã đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Từ khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới (năm 1986), Mễ Sở đã nỗ lực vươn mình phát triển.



Hình 5. Trồng quýt ở Mễ Sở (huyện Văn Giang) phục vụ thị trường Tết

Với phương châm: “Chuyển dịch nhanh nhưng phải vững chắc, có hiệu quả cao”, Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã đã tổ chức cho cán bộ, lãnh đạo xã, lãnh đạo các thôn và một số hộ dân đến học hỏi kinh nghiệm sản xuất tại các mô hình điểm trên cả nước. Đồng thời, liên hệ, phối hợp với các ngành chức năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hướng dẫn nông dân trồng các loại cây mới có giá trị kinh tế cao. Từ các chủ

trương đúng của Đảng uỷ, nhân dân Mễ Sở đã chuyển đổi ruộng thành vườn, giảm diện tích trồng lúa, chỉ giữ lại diện tích trồng lúa có năng suất cao, để dành diện tích trồng các loại giống cây mới, nuôi giống con mới. Những thửa ruộng trước đây chỉ trồng lúa, cây rau màu có hiệu quả kinh tế thấp nay đã trở thành những vườn cây cảnh, cây ăn quả mang lại thu nhập cao. Đến năm 2000, giá trị bình quân trên một ha canh tác đạt 60 triệu đồng, bình quân lương thực đạt 1 244 kg/người. Tổng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong 5 năm (1995 – 2000) trên 4,7 tỉ đồng, trong đó 98% từ nguồn thu ngân sách của xã. Các nhu cầu về ăn ở, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hoá của người dân trong xã ngày một cải thiện. Với những thành tích xuất sắc, năm 2000, Mễ Sở đã được tuyên dương Anh hùng Lao động trong thời kì Đổi mới.

Năm 2011, Mễ Sở được Uỷ ban nhân dân tỉnh chọn là một trong các xã làm điểm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011–2013. Dựa trên các tiềm năng, thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp, nhân dân trong xã lại tiếp tục mạnh dạn đầu tư vào sản xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác với nhiều mô hình mang lại hiệu quả cao. 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được chuyển đổi thành các vùng sản xuất tập trung như vùng chuyên canh hoa, cây cảnh, vùng sản xuất chuyên trồng màu, xen lẫn cây dược liệu, hương liệu như bạc hà, húng quế. Đời sống nhân dân được nâng lên nhanh chóng, các công trình công cộng cũng được xây mới, nâng cấp, cải tạo. Đường làng, ngõ xóm được trải bê tông, trải nhựa, phong quang sạch sẽ. Các công trình thuỷ lợi và đường ra đồng, ra ruộng đều được cứng hoá. Hệ thống truyền tải điện hiện đại, trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non đều được xây kiên cố, cao tầng và đầy đủ trang thiết bị. Các thôn trong xã đều có nhà văn hoá, sân vận động và khu sinh hoạt cộng đồng khang trang... Đến cuối năm 2014, xã đã cơ bản hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới và là một trong những xã đầu tiên của Hưng Yên được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Năm 2019, Mễ Sở đạt xã nông thôn mới nâng cao.

Đến năm 2021, đường trục xã, trục xóm, ngõ xóm được bê tông và cứng hoá 100%, có lắp đặt biển báo giao thông và trồng hoa, cây cảnh trên các con đường; xây dựng hoàn thiện nhiều hạng mục trường học để đáp ứng yêu cầu mới trong việc dạy và học; 05 thôn có nhà văn hoá – khu hoạt động thể thao với đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phục vụ hội họp, hoạt động thể dục, thể thao. Mỗi thôn đã có ít nhất 1 câu lạc bộ văn hoá – văn nghệ hoạt động, thu hút đông đảo người dân tham gia; duy trì thu gom rác thải trên địa bàn, 100% số rác được vận chuyển đi xử lí theo quy định...

Xác định đổi mới tổ chức sản xuất đóng vai trò quan trọng trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, xã đã làm tốt công tác quy hoạch giao thông, thuỷ lợi nội đồng và hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung tạo điều kiện đưa cơ giới hoá vào phục vụ sản xuất. Hiện nay, xã có 2 hợp tác xã liên kết làm ăn có hiệu quả gồm nhiều mô hình phát triển sản xuất đem lại hiệu quả cao. Nhờ đó, những năm qua, kinh tế xã Mỹ Sở tiếp tục có bước phát triển khá, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện, tình hình an ninh chính trị luôn được giữ vững. Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất canh tác đạt 580 triệu đồng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 ước đạt 69,939 triệu đồng/người/năm; tỉ lệ hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của người dân đều đạt trên 98%. Mỹ Sở đã hoàn thành cả 4/4 tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu, được Hội đồng thẩm định của tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021.



Theo em, từ ngữ nào thể hiện được nét đẹp về truyền thống lao động, cần cù, sáng tạo vươn lên trong cuộc sống trong đoạn thông tin trên.

4 Truyền thống đoàn kết, gắn bó, tương thân tương ái, sống có nghĩa tình, thuỷ chung

Ngay từ xa xưa, tinh thần đoàn kết, gắn bó cộng đồng của nhân dân Hưng Yên đã vô cùng sâu sắc. Trong từng làng xóm, tinh thần cố kết cộng đồng, tương thân tương ái, sống có nghĩa tình đều được mọi người, mọi gia đình thực hiện nhằm cùng nhau cải tạo thiên nhiên và xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc. Trải qua các thời kì lịch sử, qua các cuộc kháng chiến chống xâm lược và xây dựng quê hương, truyền thống đoàn kết, gắn bó, tương thân tương ái, sống có nghĩa tình, thuỷ chung của nhân dân Hưng Yên luôn được giữ gìn và phát huy...

NƠI KHỞI XƯƠNG PHONG TRÀO XÂY DỰNG “GIA ĐÌNH VĂN HOÁ” CỦA CẢ NƯỚC

Vào những năm đầu của thập kỉ 60 thế kỉ XX, cũng như nhiều địa phương khác, thôn Ngọc Tĩnh (xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ) còn khá nghèo, đời sống nhân dân khó khăn, nhiều tập tục, quan niệm lạc hậu của chế độ cũ vẫn tồn tại. Những chuyện như: mẹ chồng cấm đoán con dâu không được hội họp đoàn thể, tệ nạn rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan, tảo hôn, bói toán... gần như phổ biến. Trong khi đó, làm ruộng thì vẫn cho năng suất thấp, phụ thuộc vào thiên nhiên.

Trong hoàn cảnh ấy, ngành văn hoá tỉnh Hưng Yên quyết định đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn hoá từ đó động viên quần chúng nhân dân phát triển kinh tế. Nhiều hộ gia đình đã cùng giúp nhau trong mọi lĩnh vực công tác, lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện đời sống mới, lo dạy con cái chăm ngoan học tập, đoàn kết xóm giềng, sẵn sàng giúp đỡ láng giềng khi hoạn nạn lúc khó khăn. Các gia đình điển hình như: gia đình ông Luyện Văn Để, ông Đình Văn Để, ông Đình Văn Khắc, ông Luyện Văn Ẩn, ông Nguyễn Văn Tục, ông Đỗ Văn Thức và gia đình bà Phạm Thị Oanh trở thành những tấm gương sáng.

Gia đình ông Luyện Văn Ẩn thực hiện phong trào "đọc và làm theo sách báo" để áp dụng tiến bộ kĩ thuật vào trồng trọt. Ông đã cùng các con cháu trồng cây trên khắp đường làng ngõ xóm để lấy gỗ làm trường học, nhà kho. Ngoài ra, ông còn làm một vườn ươm cây giống có diện tích hơn 1 000 m² để cung cấp cây giống miễn phí cho bà con trong thôn.

Gia đình ông Luyện Văn Để thì đào giếng khơi lấy nước sinh hoạt làm gương phá bỏ định kiến "sợ đứt long mạch" trong thôn. Từ đó nhiều nhà cũng đào giếng để được dùng nước sạch.

Gia đình ông Đình Văn Khắc và ông Nguyễn Văn Tục chịu trách nhiệm tập hợp xây dựng đội văn nghệ và tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ trong thôn. Họ đã sáng tác những câu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy để phê bình những cái xấu trong thôn xóm và cổ súy cho những nhân tố tích cực.

Gia đình ông Đỗ Văn Thức nêu gương về truyền thống gia đình cách mạng. Nhà ông có 4 con là liệt sĩ chống Pháp và chống Mĩ.

Gia đình bà Phạm Thị Oanh – ông Luyện Văn Bái thì nêu gương về lao động sản xuất giỏi và làm gương về nếp sống mới trong quan hệ mẹ chồng con dâu; lôi cuốn phong trào phụ nữ tham gia hoạt động xã hội.

Từ đó, nhiều hộ gia đình đã tự nguyện nộp đơn vào Hợp tác xã và noi gương 6 gia đình văn hoá điển để xây dựng gia đình văn hoá. Phong trào thi đua lao động sản xuất và giúp nhau thực hiện đời sống mới đã có nhiều tác động tích cực đến đời sống xã hội trong thôn.

Bước vào thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thôn Ngọc Tỉnh cũng đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Người dân Ngọc Tỉnh ngoài làm nông nghiệp còn phát triển thêm nhiều nghề khác. Trong thôn, dân làng sống với nhau bằng tình nghĩa xóm giềng "tối lửa tắt đèn có nhau". Không có tệ nạn xã hội, không có chuyện cãi chửi nhau xích mích xóm giềng. Tổ hoà giải trong thôn luôn kịp thời có mặt nếu có chuyện xích mích nhỏ. Các đoàn thể trong thôn lấy mục tiêu xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá để vận động hội viên hưởng ứng. Các gia đình

thương binh liệt sĩ trong thôn luôn nhận được sự quan tâm của các đoàn thể và nhân dân. Toàn thôn đã tự nguyện đóng góp xây dựng được một nhà tình nghĩa và một nhà đại đoàn kết. Trong thôn, phong trào khuyến học trong từng gia đình cũng được quan tâm. Dòng họ Luyện có 05 thạc sĩ, hơn 20 cử nhân, nhiều cháu là học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia. Dòng họ có sáng kiến tổ chức xây dựng Quỹ khuyến học và đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ tặng Giấy khen vì thành tích khuyến học, khuyến tài. Đường làng ngõ xóm được bê tông hoá, khang trang, sạch đẹp. Tổ tự quản về vệ sinh môi trường được duy trì, hoạt động đem lại kết quả cao. Thôn luôn giữ vững danh hiệu làng văn hoá. Hằng năm, vào dịp 18/11 kỉ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, thôn đều tổ chức “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc”, biểu dương khen thưởng các gia đình, các tập thể có thành tích trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, các gia đình “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền” các cấp.



- 1. Theo em, câu từ nào thể hiện được nét đẹp về truyền thống đoàn kết, gắn bó, tương thân tương ái, sống có nghĩa tình, thủy chung trong đoạn thông tin trên.*
- 2. Nét đẹp của Hưng Yên được thể hiện như thế nào qua các thông tin trên? Em có biết những nét đẹp nào khác của Hưng Yên?*
- 3. Theo em, nét đẹp Hưng Yên mang lại điều gì cho mỗi chúng ta.*

II. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY NÉT ĐẸP CỦA QUÊ HƯƠNG HƯNG YÊN

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

1. T sinh ra nơi miền quê nghèo xã V.N (huyện Ân Thi), lớn lên bằng ánh sáng đèn dầu đỏ quạch, những giọt mồ hôi đổ xuống làm bạc áo mẹ cha tần tảo góp nhặt từ hạt lúa, củ khoai. Biết cha từng có khát vọng học hành, một thời nung nấu, nhưng dang dở vì chiến tranh, T ý thức được rằng cậu không chỉ học cho riêng bản thân mình mà học bù cho cả phần của cha. Khát khao đóng góp phần sức lực của mình để khẳng trí tuệ của quê hương, kết thúc năm thứ nhất đại học, cậu học trò tỉnh lẻ đã vươn lên giành điểm số cao nhất trường. Cũng trong thời gian này, vượt qua nhiều sinh viên xuất sắc của nhiều trường đại học trong cả nước, T giành suất học bổng toàn phần tại Trường Đại học tổng hợp Tokyo (Nhật Bản).

(Dựa theo Minh Huệ – baohungyen.vn)



T đã làm gì để phát huy nét đẹp của quê hương Hưng Yên?

2. H sinh ra trong một gia đình có nhiều đời làm nghề hương xạ ở Cao Thôn (xã Bảo Khê). Nhìn những công đoạn từ pha chế bột, se, nhúng, phơi, đảo đều được thực hiện hết sức chi tiết, tỉ mỉ, mang trong đó tâm huyết của bố mẹ và người thân, H thầm nhủ mình sẽ tiếp bước công việc này của gia đình. Hằng ngày, tranh thủ sau những buổi học, H thường phụ giúp gia đình và dần quen với cách làm hương. Công việc tuy khá đơn giản, mộc mạc nhưng đòi hỏi sự kiên trì và cả cái tâm trong sáng. H rất tự hào về công việc này và tự hứa sẽ một lòng trung thành gìn giữ, bảo tồn và phát huy nghề truyền thống của gia đình.



H đã làm gì để giữ gìn nghề truyền thống của gia đình? Theo em, H đã thể hiện nét đẹp nào của người con Hưng Yên.



- 1 Em hãy bày tỏ quan điểm của mình với những nhận định dưới đây:
 - a) Trong thời đại “Thế giới phẳng” hiện nay, mỗi người cần phải giữ gìn và phát huy các giá trị bản sắc riêng của quê hương mình.
 - b) Chỉ có những người nào ở lại quê hương sinh sống và làm ăn mới cần giữ gìn và phát huy những nét đẹp của quê hương.
 - c) Cuộc sống ngày càng đòi hỏi phải thay đổi để thích ứng, mỗi người dù ở đâu cũng cần phải nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống hiện đại, nên không nhất thiết phải giữ gìn, phát huy truyền thống của địa phương.
- 2 Nhà trường phát động phong trào “Tìm về nguồn cội”. Trong giờ sinh hoạt lớp 7A, bạn lớp trưởng đưa ra vấn đề để thảo luận và thống nhất sự tham gia của cả lớp. Bỗng bạn N đứng lên nói: “Ồi dào, giờ người ta đang tìm cách lên sao Hoả kia kìa...”. Các bạn trong lớp đã phê bình thái độ của N.



Theo em, các bạn trong lớp phê bình N như vậy có đúng không, tại sao?
Em có đồng tình với ý kiến của bạn N không, tại sao?

3 Em đã làm gì để giữ gìn và phát huy nét đẹp của Hưng Yên quê em?



- 1 Sưu tầm câu thơ, câu chuyện, tranh ảnh thể hiện nét đẹp của mảnh đất và con người Hưng Yên.
- 2 Đóng vai tuyên truyền viên, hãy thuyết trình về những việc cần làm để giữ gìn và phát huy nét đẹp của quê hương em.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG
Tài nguyên thiên nhiên	Nguồn của cái thiên nhiên chưa khai thác hoặc đang tiến hành khai thác.	6
Thiên tai	Hiện tượng thiên nhiên tác hại lớn đến sản xuất và đời sống như bão, lụt, hạn hán, giá rét, động đất, v.v.	23
Thành hoàng	Vị thần được thờ ở một làng.	36
Đô thị	Nơi dân cư đông đúc, là trung tâm thương nghiệp và có thể cả công nghiệp; thành phố hoặc thị trấn	41
Giao thương	Giao lưu buôn bán nói chung.	42
Thương điểm	Hiệu buôn.	42
Truyền thống	Thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.	57

Giải thích theo *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học - Hoàng Phê (Chủ biên), Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2003.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, *Lịch sử Hưng Yên*, Tập 1: Từ nguyên thủy đến 1945, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.
2. Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên, *Niên giám Thống kê tỉnh Hưng Yên*, 2020.
3. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2005.
4. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử kí toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
5. Vũ Tiến Kỳ, Nguyễn Đức Can, *Truyện Cổ dân gian Hưng Yên*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2010.
6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hưng Yên, *Danh nhân Hưng Yên*, 2019.
7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hưng Yên, *Hưng Yên biên niên những sự kiện lịch sử*, Nxb. Lao Động, 2020.
8. TS. Nguyễn Khắc Hào - TS. Nguyễn Đình Nhã (đồng chủ biên), *Phố Hiến*, Nxb. Khoa học xã hội, 2020.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

.....

Chịu trách nhiệm nội dung:

.....

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

.....

Biên tập nội dung và sửa bản in:

.....

Thiết kế sách và trình bày bìa:

.....

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HƯNG YÊN – LỚP 7

Mã số:

In:.... bản,

Đơn vị in:

Địa chỉ:.....

Cơ sở in:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:../QĐ – GD – HN ngày... tháng... năm...

Mã số ISBN:

In xong và nộp lưu chiểu tháng... năm...